

GIÁO PHẬN ĐÀ LẠT

**HƯỚNG DẪN
MỤC VỤ BÍ TÍCH**

2016

NGHỊ ĐỊNH

Phê chuẩn và ban hành

Tập “**Hướng dẫn Mục vụ Bí tích Giáo phận Đà Lạt**”

Tôi, Antôn Vũ Huy Chương, Giám mục giáo phận Đà Lạt,
Căn cứ Giáo luật, đ. 392 § 2 về nghĩa vụ của Giám mục phải cổ
vỗ việc tuân giữ mọi luật lệ của Giáo Hội, đặc biệt trong những
điều liên quan đến tác vụ Lời Chúa, đến việc cử hành các bí tích
và á bí tích, đến việc tôn thờ Thiên Chúa cũng như quản trị tài
sản, bổng lễ, v.v... ;

Căn cứ Giáo luật, các điều 838 §§ 1.4 và 841 về trách nhiệm và
thẩm quyền của Giám mục giáo phận trong việc ban hành những
qui tắc về Phụng vụ, ấn định những điều cần thiết cho việc cử
hành hợp pháp, ban, nhận các bí tích,

Sau hai năm thử nghiệm,

NAY QUYẾT ĐỊNH

Phê chuẩn và ban hành Tập “**Hướng dẫn Mục vụ Bí tích Giáo
phận Đà Lạt**”, đính kèm đây, đã được thông qua trong phiên họp
của Hội đồng Linh mục ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Tập “**Hướng dẫn Mục vụ Bí tích Giáo phận Đà Lạt**” này có hiệu
lực để thử nghiệm trong thời hạn bốn năm, kể từ ngày được Giám
mục Giáo phận phê chuẩn và ban hành, tức ngày Chúa nhật lễ
Chúa Ba Ngôi, 22 tháng 05 năm 2016.

Đà Lạt, ngày 22 tháng 5 năm 2016



✠Antôn Vũ Huy Chương
Giám mục giáo phận Đà Lạt



Lm Gioan Bosco Hoàng Văn Chính
Chương án

LỜI DẪN

Chức tư tế thừa tác là để phục vụ cộng đồng Dân Chúa.

Các tư tế chức thánh được đặt lên giữa lòng Dân Thánh để thực thi các chức năng của Đức Kitô là Đầu trong việc giảng dạy, thánh hóa và lãnh đạo, thậm chí ngay cả khi được xem là thuộc “phẩm trật”, cũng không có nghĩa là được đặt lên trên những người khác để thống trị, mà hoàn toàn qui hướng về việc phục vụ sự thánh thiện của các chi thể Đức Kitô¹.

Tiếp tục đường hướng mục vụ phục vụ và truyền giáo của Công Đồng Vatican II, do Thánh Giáo hoàng Gioan XXIII khai mạc và Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II luôn nỗ lực thực thi, Đức Thánh Cha Phanxicô đã mạnh mẽ cảnh giác Giáo Hội cần phải chuyển đổi từ một mục vụ nặng tính quản trị sang một mục vụ dứt khoát có tính truyền giáo².

Hội Thánh được kêu gọi trở thành Nhà Cha, luôn luôn mở rộng cửa, để mọi người có thể tham dự cách nào đó vào đời sống của Giáo Hội : “Chúng ta nhiều khi hành

¹ x. ĐTC PHANXICÔ, Tông Huấn *Niềm vui của Tin Mừng*, 24/11/2013, số 104. Trích từ GIOAN PHAOLÔ II, Tông thư *Mulieris Dignitatem*, 15/8/1988, tr. 27.

² x. ĐTC PHANXICÔ, Tông Huấn *Niềm vui của Tin Mừng*, số 15. Trích từ HỘI NGHỊ KHOẢNG ĐẠI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LA TINH VÀ CARIBÊ, *Văn kiện Aparecida*, 29/6/2007, tr. 548.

động như là người ban phát ân sủng, thay vì là người tạo điều kiện cho ân sủng... Hội Thánh phải là Nhà Cha, có chỗ cho mọi người, với tất cả các vấn đề của họ”³.

Những lời này của Đức Thánh Cha Phanxicô quả là những lời mạnh mẽ, thúc bách chúng ta phải xét mình và duyệt lại cung cách mục vụ, cung cách phục vụ phần rỗi các linh hồn, linh hồn của các tín hữu cũng như của tất cả những ai được trao phó cho sứ vụ của Giáo Hội.

Trong nhân quan và trong tinh thần say mê phục vụ việc loan báo Tin Mừng của Đức Thánh Cha Phanxicô, tập **“Hướng dẫn mục vụ bí tích Giáo phận Đà Lạt”** ra đời như một đáp ứng nguyện vọng của Linh mục đoàn giáo phận Đà Lạt trong dịp tĩnh tâm tháng 11 năm 2013, mong muốn tất cả các linh mục trong giáo phận cùng hiệp thông và hiệp nhất chung quanh Đức Giám mục giáo phận, để cùng chia sẻ và thực thi một đường hướng mục vụ chung là đường hướng mục vụ dứt khoát mang tính truyền giáo, ngập tràn niềm vui, và đặt phần rỗi các linh hồn cũng như hạnh phúc đời đời của cả nhân loại làm qui luật tối thượng của mọi luật lệ trong Giáo Hội⁴.

³ x. ĐTC PHANXICÔ, Tông Huấn *Niềm vui của Tin Mừng*, số 47.

⁴ x. Ga 10,10 ; Giáo luật, đ. 1752 ; ĐTC PHANXICÔ, Tông Huấn *Niềm vui của Tin Mừng*, số 1.14.

HƯỚNG DẪN MỤC VỤ BÍ TÍCH



I. BÍ TÍCH RỬA TỘI VÀ THÊM SỨC

1. Rửa tội trẻ em

1.1. Trường hợp bình thường

- Cha xứ và các chủ chăn quan tâm nhắc nhở cha mẹ và những người đỡ đầu về trách nhiệm giáo dục đức tin⁵.
- Để cha mẹ và những người đỡ đầu rửa tội thực sự ý thức về trách nhiệm phải lo liệu cho con em mình sau này sống một đời Kitô giáo xứng hợp và trung thành chu toàn những nghĩa vụ gắn liền với bí tích, linh mục quản xứ cần dành một vài buổi để chuẩn bị cho họ⁶.
- Nên làm **phiếu rửa tội** trước, hoặc nơi cha xứ rồi ngài báo sau cho ông trưởng giáo họ, hoặc nơi ông trưởng giáo họ rồi trình cho cha xứ, với những chi tiết như trong sổ rửa tội : Tên thánh, tên gọi, ngày sinh, nơi sinh, tên cha mẹ, tên người đỡ đầu, địa chỉ, v.v...⁷.

⁵ x. đ.851,2^o.

⁶ x. đđ. 851,2^o ; 872. Việc huấn giáo này càng cần thiết hơn trong trường hợp cha mẹ không nhập tịch giáo xứ và không sống đạo.

⁷ Xem mẫu chung. Cũng có thể làm “Phiếu xin lập hồ sơ hôn phối”, và nhờ ông Trưởng giáo họ điều tra.

1.2. Trường hợp con ngoại hôn

- Cha xứ nên tận dụng cơ hội cha mẹ đến xin rửa tội cho con mà nhắc nhở và tạo điều kiện cho họ hợp thức hóa hôn phối. Nếu họ không thể hợp thức hóa, thì cũng lo liệu rửa tội cho con cái họ.
- Trường hợp con của cha mẹ rồi vợ rồi chồng, cha xứ có thể lo liệu ban phép rửa tội cho em khi có sự chấp thuận ít là của một người cha hay mẹ, và có hy vọng chắc chắn là em sẽ được giáo dục trong đạo công giáo (trường hợp này có thể dựa vào vai trò của người đỡ đầu hay của ông bà). Nếu hoàn toàn thiếu niềm hy vọng này, thì phải hoãn việc rửa tội, sau khi cho cha mẹ của em biết lý do⁸.
- Trong cả hai trường hợp, nên rửa tội riêng, ngoại trừ trường hợp họ muốn rửa tội chung.

1.3. Rửa tội ở đâu ?

- Nguyên tắc chung là rửa tội tại giáo xứ riêng của cha mẹ trẻ nhỏ⁹.

⁸ x. đ. 868 §§ 1-2.

⁹ x. đ. 857 § 2.

- Khi có lý do chính đáng, cha mẹ em có thể xin rửa tội ở giáo xứ khác, thí dụ bên ngoài nơi người mẹ thường về ở trong thời gian mang thai và sinh nở.

1.4. Trường hợp nguy tử

- Trẻ em nguy tử, phải được rửa tội ngay, không chút trì hoãn¹⁰.
- Trẻ em đã rửa tội mà nguy tử, nên được thêm sức¹¹.

1.5. Thai nhi bị sảy

- Trong mức độ có thể, phải rửa tội cho những thai nhi bị sảy, nếu chúng còn sống¹².

2. Rửa tội người lớn

2.1. Làm đơn : Người thành niên muốn lãnh bí tích rửa tội, phải tự ý xin. Nếu đã có gia đình¹³, cần có ý kiến của vợ hay chồng.

2.2. Lưu ý ngăn trở hôn nhân : Khi tiếp nhận một người thành niên xin học đạo rửa tội, cần sớm tìm hiểu động lực và tình trạng hôn nhân của

¹⁰ x. đđ.867 § 2 ; 868 § 2.

¹¹ x. đ.891. Cha xứ lưu ý ghi vào sổ, và cấp giấy chứng nhận thêm sức cho đương sự.

¹² x. đ.871.

¹³ Nghĩa là đã có dây hôn phối tự nhiên, và trong trường hợp này, không cần xin chuẩn hôn phối khác đạo.

họ. Nếu không ngăn trở gì, thì xúc tiến rửa tội. Nếu có ngăn trở mà giải quyết được, thì giúp họ được chuẩn ngăn trở. Nếu không, thì không được rửa tội.

2.3. Nếu đã sống chung : Trường hợp một người công giáo sống chung bất hợp pháp với một người ngoại giáo, thì khi rửa tội cho người ngoại giáo này, phải lưu ý hợp thức hóa hôn phối ngay cho họ, để họ không ở trong tình trạng bất hợp pháp sau khi rửa tội.

2.4. Thời gian dự tòng : thông thường là 6 tháng, ít là 3 tháng, làm sao để đương sự có thời gian học hỏi và thực tập đời sống đức tin¹⁴. Trường hợp ngoại lệ và có lý do chính đáng, cha xứ có thể khôn ngoan lo liệu cho lợi ích thiêng liêng của đương sự và những người liên hệ.

Để tạo điều kiện cho người dự tòng thực tập đời sống đức tin, nên theo tiến trình nhập đạo trong Sách Nghi thức khai tâm Kitô giáo cho người trưởng thành¹⁵, và giới thiệu người đỡ đầu cho họ ngay lúc họ bắt đầu học đạo, để cùng đồng hành với họ¹⁶.

¹⁴ x. BỘ PHỤNG TỰ, *Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn*, Những điều cần biết trước, số 7.

¹⁵ x. BỘ PHỤNG TỰ, *Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn*, Những điều cần biết trước, số 6.

¹⁶ x. NTGNKTGNL, *Những điều cần biết trước*, số 16.17.42.43 : Về người bảo lãnh và người đỡ đầu.

- 2.5. Dự tòng không thuộc giáo xứ : Khi rửa tội cho một dự tòng không thuộc giáo xứ mình, cần thông báo sớm cho cha xứ riêng của đương sự, lúc đương sự còn đang học đạo, để có thể biết thêm thông tin về đương sự trước khi rửa tội.

Sau khi đã rửa tội, cũng nên thông báo cho ngài về việc đã rửa tội ấy.

- 2.6. Dự tòng di dân : được quyền **học giáo lý** tại nơi mình tạm trú, hoặc tại nơi thuận tiện cho họ. Họ có thể xin **rửa tội** tại nơi học giáo lý hoặc tại nơi tạm trú với giấy chứng nhận đã học giáo lý.

Cha xứ nơi rửa tội làm hồ sơ liên quan đến các bí tích khai tâm. Cha xứ nơi tạm trú làm hồ sơ về hôn phối (về hồ sơ hôn phối, xem số V.2.2.2.4). Các linh mục liên hệ khác có nhiệm vụ giúp đỡ.

- 2.7. Tòng giáo cả gia đình : Trường hợp cả gia đình tòng giáo, các em dưới 7 tuổi được rửa tội cùng với cha mẹ ; từ 7 tuổi trở lên, thì phải học giáo lý trước khi rửa tội.

- 2.8. Điều kiện làm người đỡ đầu : Người đỡ đầu phải được chính người sắp được rửa tội chọn, hoặc do cha mẹ hay người thay quyền cha mẹ chọn, đủ 16 tuổi trọn, là người công giáo đã lãnh nhận bí tích Thêm Sức và Thánh Thể, và

phải có đời sống xứng hợp với đời sống đức tin và nhiệm vụ phải đảm nhận¹⁷.

3. Rửa tội, thêm sức người trên 14 tuổi

3.1. Năng quyền thêm sức : Khi rửa tội cho người trên 14 tuổi, linh mục cử hành được Đức giám mục giáo phận ban năng quyền thêm sức cho họ¹⁸.

3.2. Nghi thức thêm sức của người tân tòng thành niên : Trừ khi có lý do nghiêm trọng¹⁹, người thành niên được rửa tội, thêm sức, tham dự Thánh lễ và rước lễ ngay trong cùng một nghi thức²⁰, gọi là nghi thức gia nhập Kitô giáo cho người trưởng thành²¹.

¹⁷ x. đ. 874 § 1.

¹⁸ x. đđ. 863 ; 866 ; NTGNKTGNL, Những điều cần biết trước, số 46.

Đức Giám mục giáo phận Đà Lạt hiện nay ban cho các cha Quản hạt năng quyền Thêm sức (cũng như chuyển ủy, x. đ. 137 § 3) trong những trường hợp đặc biệt, thí dụ trường hợp đôi bạn sắp cưới mà chưa lãnh bí tích này. Tuy nhiên, các vị này chỉ ban Thêm sức thành sự và hợp thức trong phạm vi lãnh thổ giáo hạt của mình. Ngoài phạm vi lãnh thổ giáo hạt của mình, các ngài ban Thêm sức hoặc ủy quyền Thêm sức vừa không thành sự vừa không hợp pháp, trừ trường hợp nguy tử (x. đ. 887).

¹⁹ x. NTGNKTGNL, Những điều cần biết trước, số 34.

²⁰ Trong trường hợp này, phó tế không cử hành việc rửa tội được ; x. đ. 866 ; SGLHTCG số 1233. Lý do là để biểu lộ sự liên kết chặt chẽ của các bí tích khai tâm (đ. 842 § 2), tính duy nhất của mẫu

Do đó, không nên rửa tội người lớn mà không thêm sức ngay, để rồi tùy tiện ghép chung với việc thêm sức các trẻ em đã được rửa tội lúc sơ sinh.

4. Nghi thức tiếp nhận anh chị em Tin Lành²²

Việc tiếp nhận anh chị em Tin Lành vào hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công giáo được thực hiện theo nghi thức trong sách “Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn”²³. Trong trường hợp này, linh mục cử hành nghi thức thân nhận cũng được Đức Giám mục giáo phận ủy quyền ban bí tích thêm sức cho họ²⁴.

5. Nước phép

Nước phép hoặc nước thánh, làm phép trong Đêm Vọng Phục Sinh hay theo Sách Các Phép, thường

nhiệm vượt qua, cũng như tương quan mật thiết của việc Chúa Cha sai Chúa Con và Chúa Thánh Thần (NTGNKTGNL, số 34).

²¹ BỘ PHỤNG TỰ, *Nghi lễ Giám mục*, 14.9.1984, số 355-367 ; NTGNKTGNL, số 228-231.

²² Xin xem “Phụ lục” (tr. 65) về thành sự hay không thành sự của Phép Rửa các Hệ phái Tin Lành.

²³ UBGM VỀ PHỤNG VỤ, *Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn*, Saigon 1974, Phần Phụ lục, 341-366.

²⁴ x. *Nghi thức thêm sức*, Những điều cần biết trước, số 7 ; cũng xem “Nghi thức thân nhận những người đã rửa tội thành sự vào thông công đầy đủ với Hội Thánh Công giáo”, Những điều cần biết trước, số 8, trong *Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn*, tr. 341.

được người tín hữu dùng để làm dấu thánh giá, biểu lộ đức tin và cầu xin ơn phúc. Trường hợp nhà thờ hết nước phép, để đáp ứng nhu cầu của giáo dân, các cha làm phép nước mới theo nghi thức quy định trong sách phụng vụ²⁵. Tuyệt đối không chấp nhận việc đổ nước mới vào một ít nước cũ còn lại để tiếp tục sử dụng, như kiểu “ma thuật” mà phụng vụ và “Sách Các Phép” thường xuyên nhắc nhở phải loại trừ²⁶.

²⁵ x. ỦY BAN PHỤNG TỰ TRỰC THUỘC HĐGMVN, *Nghi thức Thánh lễ*, Tôn giáo 2005, 177-181 ; BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, *Sách lễ Rôma*, Ấn bản mẫu thứ hai 1992, 1051.

²⁶ x. THÁNH BỘ PHỤNG TỰ, *Sách Các Phép Rôma*, 31.5.1984, Những điều cần biết trước, số 19.23.24b.27.1083-1084.

II. BÍ TÍCH THÁNH THỂ

1. Dọn mình

Khi đã mặc phẩm phục, cần dọn mình bằng thái độ nghiêm trang và tỉnh lặng.

2. Số lễ được cử hành hay đồng tế trong ngày

2.1. Mỗi ngày chỉ được cử hành hay đồng tế Thánh lễ một lần²⁷.

2.2. Khi có lý do chính đáng và nhất là khi có nhu cầu mục vụ đòi hỏi, được cử hành hai Thánh lễ vào ngày thường, và ba Thánh lễ vào các ngày Chúa nhật và lễ buộc²⁸.

2.3. Những trường hợp sau đây được cử hành hay đồng tế nhiều lần trong ngày²⁹ :

- Thứ Năm Tuần Thánh : lễ Làm Phép Dầu và lễ Tiệc Ly (2 lễ).
- Lễ Phục sinh : lễ Vọng Phục Sinh và lễ Chính Ngày (2 lễ).
- Lễ Chúa Giáng sinh : được làm ba lễ (lễ Ban Đêm, lễ Rạng Đông, lễ Ban Ngày).
- Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời 02.11 : được làm ba lễ.

²⁷ x. đ. 905 § 1 ; 902.

²⁸ x. đ. 905 § 2.

²⁹ x. QCTQSLR 2000, số 204.

2.4. Không được phép cử hành Thánh lễ riêng vào chiều thứ Năm Tuần Thánh (Lễ Tiệc Ly) và đêm Vọng Phục sinh³⁰.

3. Những trường hợp được đồng tế

3.1. Do luật chung³¹ : Ngoài những trường hợp ở II.2.2.3, còn được đồng tế :

- 1) Lễ tấn phong Giám mục ;
- 2) Lễ phong chức linh mục ;
- 3) Lễ chúc phong viện phụ ;
- 4) Lễ giáp năm tấn phong của Giám mục giáo phận ;
- 5) Lễ có Giám mục chủ sự trong những Thánh lễ trạm ;
- 6) Lễ Bỏ mạng giáo phận ;
- 7) Lễ nhậm chức của linh mục tân quản xứ³² ;
- 8) Lễ khấn dòng trọn đời³³ ;
- 9) Lễ làm phép, cung hiến nhà thờ³⁴ ;
- 10) Lễ xức dầu bàn thờ³⁵ ;

³⁰ x. QCTQSLR 2000, số 199.

³¹ x. QCTQSLR 2000, số 199.203-204 ; *Nghi lễ Giám mục*, số 21.120.122.

³² x. *Nghi lễ Giám mục*, số 1187.

³³ x. *Nghi thức khấn dòng* 1970, Chương 3, Những điều cần biết trước, số e ; cũng x. số 6.

³⁴ x. *Nghi lễ Giám mục*, số 869 ; 955.

- 11) Lễ Thêm sức³⁶ ;
- 12) Dịp kinh lý mục vụ ;
- 13) Dịp họp công nghị giáo phận ;
- 14) Dịp tĩnh tâm, hội họp các linh mục.

3.2. Do năng quyền đã ban cho các Đức Giám mục³⁷, Đức giám mục giáo phận Đà Lạt quy định thêm các nôi được đồng tế trong giáo phận, chỉ một lần trong ngày, như sau :

- 1) Lễ thánh hiến trinh nữ ;
- 2) Lễ tạ ơn của tân linh mục, tạ ơn khăn trọn đời ;
- 3) Lễ kỷ niệm thụ phong linh mục ;
- 4) Lễ mừng kỷ niệm ngân khánh, kim khánh, ngọc khánh linh mục, khăn dòng ;
- 5) Lễ mừng kỷ niệm ngân khánh, kim khánh, ngọc khánh hôn phối, và lễ mừng thọ (70 tuổi), thượng thọ (80 tuổi), đại thọ (90 tuổi, 95 tuổi, 100 tuổi) do cha xứ đứng ra tổ chức “tập thể”, nghĩa là chung cho nhiều đôi, nhiều vị trong giáo xứ. Chính cha xứ đảm nhận việc mời các cha đồng tế, một phần dựa vào đề nghị của những người mừng kỷ niệm.

³⁵ x. *Nghị lễ Giám mục*, số 926.

³⁶ x. BỘ PHỤNG TỰ, *Nghị thức Thêm Sức*, 22.8.1971 ; *Notitiae* 7 (1971), 332, Những điều cần biết trước, số 13.

³⁷ x. BỘ PHỤNG TỰ, *Thư*, 12.09.1983, trong *Notitiae* 19 (1983) ; Cũng xem QCTQSLR 2000, số 155.

- 6) Lễ rửa tội linh mục ;
- 7) Lễ rửa tội giáo xứ ;
- 8) Dịp tĩnh tâm hay huấn luyện các thành viên Hội đồng giáo xứ, giáo lý viên, các giới, các hội đoàn (cấp giáo phận, giáo hạt, giáo xứ) ;
- 9) Lễ an táng³⁸ :
 - Giáo sĩ, tu sĩ đã khấn (khấn tạm hoặc khấn trọn), chủng sinh đã mặc áo dòng, và cha mẹ của những vị này ;
 - Những người thuộc những hiệp hội đã được Đức Giám mục giáo phận phê chuẩn như là Hiệp Hội Chứng Nhân Đức tin, Gia Đình Chứng Nhân Chúa Kitô, Gia đình Nữ Tỳ Chúa Thánh Thần, và cha mẹ của họ³⁹.
 - Những người làm việc trong Ban Thường vụ HĐGX đương nhiệm (vợ/chồng).

³⁸ Các cha đồng tế trong các Thánh lễ an táng này không nhận bổng lễ.

³⁹ x. Sắc lệnh TĐGD, số 22 : “Giáo Hội rất tôn trọng và đặc biệt đề cao những giáo dân, [...], đang dốc thân và đem khả năng chuyên môn của mình tham gia hoạt động và phục vụ suốt đời hoặc một thời gian trong các tổ chức đoàn thể. Các chủ chăn trong Giáo Hội hãy vui vẻ tiếp nhận và cảm ơn những giáo dân ấy, cần giúp họ...chu cấp cho họ và gia đình họ có được một cuộc sống xứng đáng...đồng thời trợ giúp khích lệ họ về mặt thiêng liêng”.

- Những người đã phục vụ đặc biệt⁴⁰ trong giáo xứ được cha xứ, sau khi đã tham khảo Hội đồng giáo xứ, bàn bạc thống nhất với cha quản hạt trong từng trường hợp.
- Những linh mục có liên hệ họ hàng với người quá cố (*ông, bà, chú, bác, cô, cậu, mẹ, dì, dượng, anh, chị, em, v.v...*) có thể đồng tế trong Thánh lễ an táng người ấy.

10) Lễ giỗ của linh mục.

3.3. Được đồng tế hai lần trong ngày :

- Ai đã đồng tế trong các trường hợp được luật chung cho phép ở mục 3.1, thì được đồng tế lần thứ hai ở các mục 3.2.
- Nhưng cần nhớ nguyên tắc căn bản đã nêu ở đầu : Linh mục chỉ cử hành Thánh lễ tối đa ngày thường hai lần, Chúa nhật bốn lần⁴¹.

3.4. Không được đồng tế :

- Lễ cưới
- Lễ an táng, trừ những trường hợp an táng được đồng tế đã đề cập ở số II. 3.2,7
- Lễ giỗ, trừ lễ giỗ của linh mục

⁴⁰ “Đã phục vụ đặc biệt” xét theo các tiêu chuẩn như : những người phục vụ lâu năm trong giáo xứ trong những ban ngành khác như giáo lý viên, ông từ, trưởng ca đoàn, những người đã có công đức đặc biệt, v.v...

⁴¹ x. đ. 905 và đặc ân cho Việt Nam.

- Lễ “trẻ em”⁴².

3.5. Mọi trường hợp khác, cần xin phép Bản quyền địa phương.

4. Thánh lễ tại tư gia

- Bệnh nhân được xúc dầu hoặc rước lễ như Cửa ăn dâng : Trường hợp có ban phép xúc dầu bệnh nhân hay khi cho chịu lễ như Cửa Ăn Dâng, linh mục được phép cử hành Thánh lễ tại gia theo luật chung⁴³.
- Bệnh nhân đau lâu ốm dài : Trường hợp các bệnh nhân đau lâu ốm dài không thể đến nhà thờ nhưng có lòng ước ao được tham dự Thánh lễ, cha xứ có thể thu xếp cho họ theo sự khôn ngoan mục vụ và trong tinh thần mục tử, một năm một đôi lần.
- Linh mục về nghỉ tại gia đình : Linh mục về nghỉ tại gia đình được dâng lễ riêng tại nhà mà không qui tụ giáo dân, miễn là thông báo cho linh mục quản xứ⁴⁴.

⁴² x. *Notitiae* 1975, số 22, tr. 10.

⁴³ x. THÁNH BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, Sắc lệnh *Promulgato Codice*, 12.9.1983, x. *Notitiae* 1983, tr. 553, số 80.94. Sắc lệnh này dựa vào Bộ giáo luật mới ra lúc đó để bỏ hẳn việc phải xin phép Bản quyền địa phương được quy định trong Sách *Nghi thức xúc dầu bệnh nhân*, số 80.94.

⁴⁴ “Thánh lễ tại tư gia” là một trường hợp của đ. 932 § 1 về việc cử hành Thánh lễ ngoài nơi thánh. Luật cũ đ. 822 § 4 minh nhiên buộc

- Linh mục về nghỉ lâu dài : Linh mục cử hành Thánh lễ tại tư gia mà có qui tụ giáo dân hoặc cử hành thường xuyên, phải xin phép Đấng Bản quyền địa phương.

5. Bổng lễ

5.1. Bổng lễ nói chung

- Nguyên tắc chung : Phải áp dụng từng Thánh lễ theo từng ý chỉ đã được xin, dù bổng lễ là nhỏ mọn⁴⁵.
- Không được phép gom nhiều bổng lễ với nhiều ý lễ khác nhau, rồi chỉ dâng một Thánh lễ cho tất cả các ý chỉ ấy⁴⁶. Trường hợp ở Việt Nam hiện nay được phép gom bổng lễ thành 10 USD là một đặc ân Tòa Thánh ban cho các giám mục giáo phận⁴⁷.

phải có phép từng lần của Bản quyền địa phương mỗi khi cử hành Thánh lễ ngoài nơi thánh, nhưng luật hiện hành đã sửa đổi khoản luật này khi nói trống : “Phải cử hành Thánh Thể trong một nơi thánh, trừ khi nhu cầu đòi hỏi cách khác trong một trường hợp đặc biệt”.

⁴⁵ x. đ. 948.

⁴⁶ x. BỘ GIÁO SĨ, Sắc lệnh *Mos iugiter*, 22.2.1991, trong AAS 83 (1991), 443-446.

⁴⁷ x. BỘ GIÁO SĨ, Quyết định Prot. N. 20103788 trả lời ĐTGM Leopoldo Girelli về việc ban phép gom bổng lễ, 28.11.2011.

Hiện nay tại giáo phận Đà Lạt, Đức Giám mục giáo phận ban phép cho các linh mục muốn gom bổng lễ lên thành 10 USD, thì viết giấy (ghi rõ : tổng số lễ - số lễ gom lại thành - tiền 1 lễ đã gom -

- Tại các giáo xứ, hay gặp trường hợp nhiều người xin lễ cùng lúc và muốn được dâng tại giáo xứ để thân nhân gia đình cùng hiệp ý cầu nguyện, có thể giải quyết bằng hình thức có tính “mục vụ” sau đây : Rao tất cả những ý lễ đã xin cùng ngày, để những người xin lễ được hiệp thông trong lời cầu nguyện và trong Thánh lễ, nhưng bổng lễ thì linh mục chỉ được hưởng một bổng lễ tùy chọn, còn những bổng lễ khác vẫn “kể như chưa xong”, và phải được chu toàn theo lễ công bằng đúng theo nguyên tắc giáo luật⁴⁸.
- Ngoài ra, có thể áp dụng “ý lễ tập thể”, nghĩa là gom nhiều bổng lễ khác nhau thành một bổng lễ duy nhất, được đề cập trong Sắc lệnh *Mos iugiter* của Bộ Giáo sĩ, với những quy định cụ thể như sau⁴⁹ :
 - + Không quá hai lần một tuần.
 - + Đã thông báo trước rõ ràng, và những người xin lễ đã tự do chấp nhận cho dồn bổng lễ của họ với bổng lễ của người khác thành một bổng lễ duy nhất.

tổng số tiền gom lại thành) và trình Đức Giám mục ký. Có thể ký trước hay sau khi đã dâng Thánh lễ rồi cũng được, nhưng linh mục buộc đã phải có ý lễ trước.

⁴⁸ x. đ. 948.

⁴⁹ x. BỘ GIÁO SĨ, Sắc lệnh *Mos iugiter*, 22.2.1991, trong AAS 83 (1991), 443-446 ; x. EV 13/6-28.

- + Công khai ấn định ngày, giờ, nơi cử hành Thánh lễ ấy.
- + Bổng lễ : chủ tế chỉ được giữ lại số tiền bổng lễ đã ấn định trong giáo phận ; còn số tiền thặng dư phải gửi về cho Đấng Bản quyền theo quy định của điều 951 § 1, và ngài sẽ dành tiền ấy cho các mục tiêu do Giáo luật ấn định (*thí dụ để đào tạo giáo sĩ, nâng đỡ các thừa tác viên, v.v..., x. đ. 946*).

5.2. Bổng lễ *bina, trina*

- Bổng lễ *bina, trina* là tiền cử hành Thánh lễ thứ hai hoặc thứ ba trong ngày⁵⁰.
- Bổng lễ *bina, trina*, trừ những trường hợp riêng đã xin phép hưởng trọn, linh mục được giữ lại 30% để chi phí di chuyển hay dầu đèn, còn 70 % gửi về Tòa giám mục⁵¹.

5.3. Bổng lễ đồng tế

- Linh mục dâng lễ **đã nhận** một bổng lễ rồi, không được nhận bổng lễ nữa **khi đồng tế** trong cùng ngày đó, dù dưới bất cứ danh nghĩa nào⁵².

⁵⁰ x. đ. 951 § 1.

⁵¹ x. đ. 951 § 1.

⁵² x. đ. 951 § 2.

- Linh mục có nghĩa vụ dâng lễ cầu cho giáo dân (*lễ họ, missa pro populo*) không được nhận bổng lễ **khi đồng tế** trong cùng ngày đó.

6. Rao ý lễ trong Thánh lễ

- 6.1. Rao đầu lễ : Cha chủ tế rao các ý lễ đầy đủ ở phần đầu lễ.
- 6.2. Cách rao : Rao đầy đủ ý lễ⁵³ theo ý của người xin, cốt để chính người xin lễ và những người liên quan (gia đình, họ hàng...) có thể nhận ra, khi đã cùng nhau góp tiền xin lễ trong dịp giỗ của người thân.
 - Thí dụ : Có ba ý lễ, xin cầu cho “Phêrô và Maria”, “Phêrô và Anna”, “Giuse và Phêrô” → xin đọc đầy đủ từng ý kếp này, chứ không gom là “ba Phêrô, Maria, Anna và Giuse”.
 - Trường hợp nhiều ý lễ giống nhau hoàn toàn, như hai người cùng xin ý lễ cầu cho Giuse hay ba người xin cho linh hồn Têrêsa, thì có thể đọc gom như sau : hai ý cầu cho linh hồn Giuse, ba ý cầu cho Têrêsa.
- 6.3. Phần kinh nguyện Thánh Thể : Không đọc lại ở phần Kinh nguyện Thánh Thể nữa ; trừ trong

⁵³ Không rao tên người xin lễ, để tránh khoe khoang hoặc ngược lại gây mặc cảm cho những người khác, nhất là người nghèo.

lễ **an táng**, lễ sau khi được tin **báo tử**, lễ **giỗ đầu**⁵⁴, và **giỗ mãn tang**⁵⁵.

7. Rước lễ với Bánh Thánh được truyền phép trong Thánh lễ

7.1. Bánh thánh được truyền phép trong lễ : Theo quy định của luật phụng vụ, phải căn số lượng bánh lễ thế nào để không những có đủ Mình Thánh cho giáo dân rước lễ, mà nhất là với Bánh Thánh đã được truyền phép ngay trong chính Thánh lễ⁵⁶.

7.2. Tránh Bánh cũ : Do đó, phải hết sức tránh tình trạng truyền phép quá nhiều, rồi cho rước lễ với Mình Thánh dư lại của lần trước, và lại cất Mình Thánh mới vào nhà tạm để cho rước lễ vào lần sau.

8. Thừa tác viên ngoại thường cho rước lễ

8.1. Từng lần : Trong một trường hợp đặc biệt và không thể tiên liệu trước, linh mục chủ tế có thể cho phép một tín hữu đạo đức, có uy tín

⁵⁴ x. QCTQSLR năm 2000, số 381 (số 337 cũ).

⁵⁵ Theo tục lệ Việt Nam.

⁵⁶ x. QCTQSLR năm 2000, số 85 (QCTQSLR, ấn bản mẫu thứ hai 1975, số 56h : “**Rất** ước mong”) : “Như chính linh mục chủ lễ buộc phải rước lễ với Bánh Thánh mới, ước mong các tín hữu rước Mình Thánh Chúa với những Bánh Thánh **được truyền phép ngay trong chính Thánh lễ**”.

cho rước lễ trong lần đó⁵⁷ qua một nghi thức phụng vụ riêng⁵⁸.

8.2. Lâu dài : Vì nhu cầu thực sự cần thiết⁵⁹ mà lại thiếu các thừa tác viên thông thường cho rước lễ⁶⁰, linh mục quản xứ có thể đệ đơn xin Đấng Bản quyền địa phương ủy nhiệm những thừa tác viên ngoại thường cho rước lễ⁶¹ trong thời gian ba năm⁶².

8.3. Tính cách ngoại thường : Thừa tác viên ngoại thường chỉ được cho rước lễ trong Thánh lễ khi không có thừa tác viên thông thường khác

⁵⁷ x. BỘ GIÁO SĨ VÀ CÁC BỘ KHÁC, Huấn thị liên bộ *Ecclesiae de mysterio*, đ. 8 § 1.

⁵⁸ x. BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, *Missale Romanum*, ấn bản mẫu thứ ba 2000, tr. 1253. Sau khi linh mục chủ tế rước lễ như thường lệ, thừa tác viên ngoại thường tiến đến bàn thờ và đứng trước linh mục chủ tế. Ngài chúc lành cho thừa tác viên bằng những lời sau : “Xin Thiên Chúa ✠ chúc lành cho... để... trao Mình Thánh Chúa cho anh chị em của...” - AMEN.

⁵⁹ x. BỘ GIÁO SĨ VÀ CÁC BỘ KHÁC, Huấn thị liên bộ *Ecclesiae de mysterio* 15.08.1997, đ. 8, trong AAS 89 (1997), 852-877 ; EV 16/725. Nhu cầu cần thiết như : để phục vụ bệnh nhân xa xôi, hoặc những cộng đoàn phụng vụ rất đông tín hữu rước lễ.

⁶⁰ x. đ. 910 §§ 1-2 : Thừa tác viên thông thường cho rước lễ là giám mục, linh mục và phó tế. Thừa tác viên ngoại thường cho rước lễ là thầy giúp lễ đã lãnh thừa tác vụ, hoặc người tín hữu nào đã được ủy nhiệm theo quy tắc của Bộ giáo luật, đ. 230 § 3.

⁶¹ x. đđ. 230 § 3 ; 910 § 2.

⁶² X. THÁNH BỘ KỶ LUẬT VÀ BÍ TÍCH, Huấn Thị *Fidei custos*, 30.4.1969, số 9, trong EV 3/1065.

hiện diện, hoặc những vị này, mặc dù hiện diện, nhưng bị ngăn trở thực sự⁶³.

8.4. Không tự mình rước lễ : Thừa tác viên ngoại thường không được tự mình rước lễ như các linh mục đồng tế, mà phải nhận Minh Thánh Chúa từ tay linh mục⁶⁴.

8.5. Tư cách và tinh thần : Thừa tác viên ngoại thường buộc phải được đào tạo cách thích hợp và cần thiết để chu toàn nhiệm vụ của mình cách xứng đáng và buộc phải hoàn thành nhiệm vụ này một cách ý thức, tận tâm và cần mẫn⁶⁵.

8.6. Lưu ý : Khi cho rước lễ, nên để ý xem người rước lễ đã bỏ vào miệng chưa hay đem về chỗ.

9. Giúp lễ nữ

9.1. Thẩm quyền của Đức giám mục giáo phận : Đức giám mục giáo phận, trong phạm vi giáo phận của mình và với tư cách là vị điều hành

⁶³ x. BỘ GIÁO SĨ VÀ CÁC BỘ KHÁC, Huấn thị liên bộ *Ecclesiae de mysterio*, đ. 8 § 2.

⁶⁴ x. BỘ GIÁO SĨ VÀ CÁC BỘ KHÁC, Huấn thị liên bộ *Ecclesiae de mysterio*, đ.8 § 2.

⁶⁵ x. đ. 231 § 1.

sinh hoạt phụng vụ trong giáo phận, có quyền cho phép các **phụ nữ** và **trẻ em nữ** giúp lễ⁶⁶.

9.2. Cần xin phép : Giáo xứ nào thực sự có nhu cầu cần đến **lễ sinh nữ**, cha xứ đệ trình và xin phép Đức giám mục giáo phận.

9.3. Truyền thống lễ sinh nam : Nhưng cần hết sức trân trọng truyền thống đáng kính dùng các lễ sinh nam, vì chính từ các lễ sinh nam này mà nảy sinh các ơn gọi linh mục sau này⁶⁷.

10. Lễ bốn mạng giáo xứ hoặc giáo họ

Lễ bốn mạng của giáo xứ, giáo họ, các giới, các ban ngành đoàn thể chính thức trong giáo xứ, nhằm vào ngày Chúa nhật mà bậc lễ lại dưới

⁶⁶ x. BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, Thư *Further to recent*, 27/7/2001, trong EV 20/1484-1487 ; BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, Thư luân lưu *Credo doveroso*, 15/3/1994, trong EV 14/589-596 ; HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG GIẢI THÍCH CÁC VĂN BẢN LUẬT PHÁP, trong EV 13/1867 ; x. Chú giải đ. 230 § 2.

Sau khi tham khảo Hội đồng giám mục, Giám mục giáo phận sẽ thẩm định sao cho thích hợp hơn cả đối với nhu cầu mục vụ trong giáo phận. Khi quyết định về điều đó, ngài cũng cần lưu ý đến cảm thức của tín hữu, những lý do khả dĩ cho phép, những môi trường mục vụ, cũng như những cộng đoàn Thánh Thể khác nhau, thí dụ đối với một cộng đoàn dòng nữ.

⁶⁷ x. BỘ PHỤNG TỰ VÀ KỶ LUẬT BÍ TÍCH, Thư *Further to recent*, 27/07/2001, trong EV 20/1485.

Chúa nhật⁶⁸, Đức giám mục giáo phận cho phép cử hành “lễ ngoại lịch” vào các Chúa nhật mùa thường niên hay mùa giáng sinh, nhưng chỉ được cử hành một lễ mà thôi. Các lễ khác của Chúa nhật hôm đó phải cử hành theo lịch phụng vụ chung.

Đức giám mục giáo phận ban phép chung, nghĩa là không phải xin phép hằng năm⁶⁹.

⁶⁸ Thí dụ lễ thánh Đaminh Saviô 6.5, lễ thánh Anna 26.7, lễ thánh Emmanuen Phụng 31.7, lễ thánh Monica 27.8, lễ thánh Augustinô 28.8, lễ thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu 1.10, lễ thánh Xêlilia 22.11, v.v...

⁶⁹ x. QCTQSLR 2000, số 374.

III. BÍ TÍCH GIẢI TỘI

1. Năng quyền giải tội : Để giải tội thành sự, ngoài quyền thánh chức, thừa tác viên buộc phải có năng quyền giải tội⁷⁰.
2. Năng quyền giải tội do chức vụ hoặc do được ban :
 - Do chức vụ : Đáng Bản quyền địa phương, các linh mục quản xứ hay linh mục thay quyền quản xứ có năng quyền giải tội do chức vụ⁷¹.
 - Do được ban : Các linh mục khác không thuộc loại trên, nhận năng quyền giải tội do nhà chức trách có thẩm quyền ban⁷².
 - Lưu ý **cần được cấp năng quyền giải tội lại** khi : xuất tịch khỏi giáo phận, hay do mất cư sở⁷³.

⁷⁰ x. đ. 966 § 1.

⁷¹ x. đ. 968 § 1. Tương tự, các bề trên Giám tỉnh các Hội dòng giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng hoặc các Tu đoàn tông đồ giáo sĩ thuộc luật Giáo hoàng có năng quyền giải tội do chức vụ (đ. 968 § 2), và có thẩm quyền ban cho các linh mục khác năng quyền giải tội cho những người thuộc quyền mình và những người khác ngày đêm cư ngụ trong nhà mình (đ. 969 § 2).

Như thế, để giải tội ngoài phạm vi của Hội dòng hay Tu đoàn, thí dụ ở các giáo xứ, các linh mục dòng cần nhận năng quyền giải tội từ Đáng bản quyền địa phương (đ. 969 § 1).

⁷² x. đđ. 966 § 2 ; 969.

⁷³ x. đ. 975. Trường hợp tưởng mình còn năng quyền giải tội trong khi thực ra mình đã hết năng quyền, thì được Giáo Hội “bù” (x. đ. 144 § 2).

3. Thời biểu giải tội : Các linh mục có nhiệm vụ coi sóc linh hồn có bổn phận buộc phải lo liệu cho tín hữu được xưng tội mỗi khi họ xin cách hợp lý. Do đó, phải ấn định thời giờ để tạo điều kiện thuận tiện cho họ⁷⁴.
4. Tòa giải tội : Để tránh gương mù, và để bảo vệ chính linh mục giải tội, linh mục không giải tội ở ngoài tòa giải tội, cách riêng với nữ giới⁷⁵.
5. Tha vạ phá thai : Đức giám mục giáo phận Đà Lạt ban cho các cha giải tội thuộc giáo phận được năng quyền tha tội và tha vạ phá thai, mà không buộc hối nhân phải thượng cầu, miễn là hối nhân đã thành tâm sám hối và đã được chỉ dạy việc đền tội hữu ích và thích hợp⁷⁶.
6. Người bị phạt hay bị vạ từ nơi khác đến : Trường hợp người ở giáo phận khác đến xưng tội và xin tha một hình phạt hay một vạ khác do Bản quyền địa phương của họ phạt, thí dụ người cố tình tổ chức hoặc tham dự “đám cưới bất thành” bị ngưng lãnh nhận bí tích, cha giải tội nên khéo léo khuyên họ trở về xin tha theo thủ tục đã được Bản quyền của họ qui định⁷⁷.

⁷⁴ x. đ. 986.

⁷⁵ x. đ. 964.

⁷⁶ x. đđ. 981; 1354; 1357; SGLHTCG, số 1463.

⁷⁷ Thẩm quyền tha vạ ở tòa ngoài là Đấng Bản quyền địa phương, nhưng trước khi tha phải tham khảo ý kiến của bản quyền địa

7. Trường hợp lâm cơn nguy tử : Trong trường hợp hối nhân lâm cơn nguy tử, bất cứ linh mục nào, dù không có năng quyền giải tội, vẫn có thể tha hết mọi tội và mọi vạ cách thành sự và hợp thức, mặc dầu có sự hiện diện của một tư tế được chuẩn nhận⁷⁸.
8. Trừ tà (trừ quỷ) : Không ai có thể trừ tà cách hợp pháp cho những người bị quỷ ám, nếu không có phép đặc biệt và minh nhiên của Đấng Bản quyền địa phương⁷⁹.

phương đã ra vạ (x. đ. 1356 § 2). **Cha giải tội có thể tha vạ ở tòa trong**, nhưng phải buộc hối nhân trong vòng một tháng thượng cầu lên bề trên có thẩm quyền, tức là bản quyền địa phương đã ra vạ ; có thể qua cha giải tội, nhưng không nêu danh tánh hối nhân (x. đ. 1357).

⁷⁸ x. đ. 976 ; SGLHTCG, số 1463.

⁷⁹ x. đ. 1172 § 1. Cần thận tránh rơi vào sai lầm khi giải tội cho các linh hồn nơi luyện ngục hoặc hỏa ngục theo đề nghị hay lời khẩn xin của một người “bị quỷ ám” nào đó.

IV. BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN VÀ VIỆC CHĂM SÓC MỤC VỤ

1. Chuẩn bị xa

- *Huấn giáo trước* : Linh mục nhắc nhở cho giáo dân biết lo liệu phần thiêng liêng cho người nhà, trước khi đưa họ đi bệnh viện⁸⁰.
- *Trường hợp lâm chung mà không gặp linh mục* : Linh mục chỉ dẫn cho giáo dân biết cách lãnh nhận phép lành Tòa Thánh cùng với ơn toàn xá trong giờ lâm chung khi không gặp được linh mục, bằng cách hằng ngày đọc ít là một vài kinh và khi nguy tử giục lòng ăn năn tội cách trọn, cầm ảnh chuộc tội hay thánh giá, với ước ao lãnh nhận ơn toàn xá do Mẹ Hội Thánh thương ban⁸¹.
- *Ngày quốc tế bệnh nhân* : Nên cử hành việc xức dầu nhiều bệnh nhân tại nhà thờ trong ngày quốc tế bệnh nhân 11/2, theo nghi thức đã được quy định trong sách Phụng vụ⁸².

⁸⁰ x. đ. 1001 ; *Nghi thức xức dầu bệnh nhân*, Những điều cần biết trước, số 34-35 ; SGLHTCG, số 1516.

⁸¹ x. PHAOLÔ VI, Tông Hiến *Indulgentiarum doctrina*, 1/1/1967, Normae, số 18, trong AAS 59 (1967) ; EV 2/952.

⁸² x. đ. 1002 ; *Nghi thức xức dầu bệnh nhân*, số 83-92.

2. Chuẩn bị gần

- Trường hợp **thường khẩn** : Bệnh nhân cần được nâng đỡ bằng việc lãnh nhận các bí tích giải tội⁸³, xức dầu, và khi nguy tử được rước Thánh Thể như Cửa ăn đàng⁸⁴. Lưu ý nên cho bệnh nhân lập lại đức tin rửa tội trong nghi thức trao Cửa ăn đàng⁸⁵.
- Trường hợp **trọng khẩn** : ban ơn toàn xá, xức dầu ngay rồi cho rước Cửa ăn đàng.
- Trường hợp **tối khẩn** : ban ơn toàn xá và cho rước Cửa ăn đàng ngay. Sau đó, nếu còn thời giờ thì xức dầu. Còn nếu không thể rước lễ được, thì ban ơn toàn xá, xức dầu⁸⁶.
- Trường hợp đã bất tỉnh : Bệnh nhân dù đã **bất tỉnh hay mất trí**, vẫn có thể ban bí tích xức dầu⁸⁷. Trường hợp này (*đã bất tỉnh*), không ban bí tích giải tội⁸⁸, mà chỉ ban ơn toàn xá

⁸³ Có thể giải tội, cả khi bệnh nhân chỉ có thể xưng tội cách chung chung : *Nghi thức xức dầu bệnh nhân*, số 104 ; 120.

⁸⁴ x. NTXDBN, số 30.

⁸⁵ x. NTXDBN, số 28.

⁸⁶ x. NTXDBN, số 116 ; x. số 30.

⁸⁷ x. NTXDBN, số 14.

⁸⁸ Bí tích xức dầu cũng ban ơn tha tội, nếu bệnh nhân không xưng tội được, x. SGLHTCG, số 1532.

hay phép lành Tòa Thánh trong giờ lâm chung⁸⁹.

- Trường hợp đã chết hay còn hồ nghi : Nếu bệnh nhân **đã chết**, thì không ban bí tích xức dầu. Nếu **hồ nghi** không biết đã chết thật hay chưa, thì ban ơn toàn xá và bí tích xức dầu với điều kiện⁹⁰.
- Trẻ em đến tuổi khôn : Có thể xức dầu cho trẻ em đã đến tuổi khôn⁹¹.

3. Lễ cho người mới qua đời

- Tín hữu nói chung : Các tín hữu đã qua đời phải được an táng theo nghi thức Giáo Hội⁹².
- Nhi đồng chết trước khi được rửa tội : Nhi đồng mà cha mẹ đã có ý xin rửa tội, nhưng chết trước khi được rửa tội, có thể được an táng theo nghi thức Giáo Hội, nhưng buộc phải xin phép Đấng Bản quyền địa phương⁹³.
- Thánh lễ tại nhà hiếu : Không dâng lễ tại nhà hiếu, trừ trường hợp cha mẹ của giáo sĩ, tu sĩ khẩn trọng, bao lâu còn quản xác tại nhà,

⁸⁹ x. NTXDBN, số 106.122.

⁹⁰ x. NTXDBN, số 15 ; x. số 135.

⁹¹ x. NTXDBN, số 12.

⁹² x. đ. 1176 § 1.

⁹³ x. đ. 1183 § 2.

mỗi ngày được dâng một Thánh lễ cầu cho người ấy.

- Nơi cử hành Thánh lễ an táng : thông thường được cử hành tại nhà thờ giáo xứ⁹⁴.

4. An táng trong những trường hợp đặc biệt

- **Người rời vợ rời chồng** : nếu không có dấu chỉ sám hối nào đó trước khi qua đời thì không được cử hành theo nghi thức Giáo Hội⁹⁵. Nhưng nếu trong đời sống họ vẫn bày tỏ một sự gắn bó với Giáo Hội như tham dự Thánh lễ, tham gia sinh hoạt giáo xứ, cho con cái đi học giáo lý, làm việc bác ái⁹⁶ v.v..., thì họ vẫn được an táng theo nghi thức Giáo Hội⁹⁷.

⁹⁴ x. đ. 1177 § 1.

⁹⁵ x. đ. 1184 § 1. Dấu chỉ sám hối như xin được gặp linh mục trước khi chết, trong đời sống hằng ngày vẫn tham dự Thánh lễ, tham gia sinh hoạt giáo xứ, cho con cái học giáo lý, làm việc bác ái, v.v...

⁹⁶ x. SGLHTCG, số 1651.1665.

⁹⁷ Bao gồm Thánh lễ an táng và được chôn trong nghĩa trang giáo xứ. x. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Thư luân lưu *Complures Conferentiae*, 29.05.1973. Các chủ chăn có vai trò rất quan trọng trong việc soi sáng để cộng đoàn tín hữu không bị cố vấp phạm, bằng cách khéo léo giải thích cho họ về ý nghĩa việc an táng theo nghi thức Giáo Hội, như là việc khẩn cầu lòng thương xót Chúa, và như một bằng chứng đức tin của cộng đoàn vào việc kẻ chết sống lại và sự sống đời sau, chứ không phải là việc tưởng thưởng những người có công đức (xem SGLHTCG, số 1684-1685).

- **Người tự tử** : không bị cấm an táng theo nghi lễ Giáo Hội, trừ khi lúc còn sống họ đã minh nhiên bày tỏ ý định không muốn được an táng như vậy⁹⁸.

Người rời vợ rời chồng mà không thực hành đạo, dấu chỉ sám hối cũng không rõ ràng, cha xứ theo sự xét đoán khôn ngoan của ngài, có thể cử hành an táng tại gia, rồi đưa đi an táng.

Người ngoại giáo mà xem ra có gần gũi với Giáo Hội “cách nào đó”, cũng có thể được hưởng nghi thức an táng của Giáo Hội như một đặc ân ngoại lệ, nhưng bắt buộc phải có phép của Đấng Bản quyền địa phương, chứ không thuộc thẩm quyền của linh mục quản xứ hay linh mục chủ sự, và với những điều kiện do Giáo luật quy định, thí dụ đương sự đã có ngõ ý trước, đương sự đã cho con cái theo đạo, đương sự đã từng có thiện cảm, giúp đỡ, cộng tác với giáo xứ, hoặc do người nhà của đương sự minh nhiên xin vì lý do thuần túy tôn giáo, và đồng thời theo xét đoán khôn ngoan của Bản quyền địa phương, không gây có vấp phạm cho các tín hữu (D. SALACHAS, *Teologia e disciplina dei sacramenti nei Codici latino e orientale*, Edizione Dehoniane Bologna 1999, tr. 406.152 ; so sánh đ. 1183 của Bộ giáo luật 1983 – đ. 1239 § 1 của Bộ giáo luật 1917).

⁹⁸ Giáo luật hiện hành (đ. 1184) đã minh nhiên bãi bỏ việc cấm cử hành an táng theo nghi thức Giáo Hội đối với người tự tử, vì đã có thay đổi quan trọng trong quan niệm về người tự tử (Giáo luật 1917 cấm, x. đ. 1240 § 1,3^o). Sách Giáo lý chung của Hội Thánh Công giáo đón nhận những khám phá của các khoa tâm lý, xã hội, nhân văn hiện đại nói rằng : Những rối loạn trầm trọng, lo âu hay quá sợ hãi trước một thử thách, đau khổ hay cực hình, có thể làm giảm thiểu trách nhiệm của người tự sát. Và do đó, Hội Thánh cầu nguyện cho họ (xem SGLHTCG, số 2282-2283).

Trường hợp người trước khi tự tử còn giết hại những người khác, thí dụ người thân, vợ chồng con cái, không còn thuộc phạm vi của quy định này.

- Người không sống đạo : Chỉ nguyên việc người tín hữu **lâu ngày không tham dự Thánh lễ** hay không lãnh nhận các bí tích, dù công khai nhiều người biết, vẫn không là lý do đủ để từ chối an táng theo nghi thức Giáo Hội⁹⁹.
- Trường hợp hồ nghi : Nếu có một hồ nghi nào, thì tham khảo ý kiến của Bản quyền địa phương¹⁰⁰.

5. Chung quanh việc hậu sự

- Đơn giản : Không ăn uống kiểu đám xá trong ngày an táng. Những dịp giỗ chạp, nên tổ chức đơn giản và lưu tâm đến khía cạnh đạo đức nhiều hơn.
- Sắp xếp ngày giờ : Về việc sắp xếp ngày giờ cử hành an táng¹⁰¹, cần dung hòa giữa chương trình sinh hoạt của giáo xứ và mong muốn của gia đình. Tránh những Thánh lễ ngoài giờ chỉ vì lý do có tính cách dị đoan như coi ngày coi giờ. Tuy nhiên, cũng nên vì bác ái mục vụ và nhu cầu chính đáng của nhà hiếu mà tùy nghi sắp xếp Thánh lễ ngoài giờ cho họ.

⁹⁹ x. JOHN M. HUELS, *The Pastoral Companion : A Canon Law Handbook for Catholic Ministry*, Franciscan Press 1995, tr. 308.

¹⁰⁰ x. đ. 1184 § 2.

¹⁰¹ Kể cả trong việc cưới xin.

V. BÍ TÍCH HÔN NHÂN

1. Thẩm quyền chứng hôn

1.1. Năng quyền chứng hôn : Để chứng hôn thành sự, linh mục phải có năng quyền chứng hôn¹⁰².

1.2. Năng quyền chứng hôn có thể có do chức vụ hoặc do được ủy nhiệm :

- Năng quyền chứng hôn do chức vụ¹⁰³ : Bản quyền địa phương¹⁰⁴, và cha quản xứ¹⁰⁵ trong giới hạn địa hạt của mình.
- Năng quyền chứng hôn do ủy nhiệm : Bản quyền địa phương và cha quản xứ có thể ủy quyền chứng hôn, kể cả ủy quyền tổng quát (*ủy chung*) cho các tư tế và phó tế, để chứng hôn trong giới hạn địa hạt của mình¹⁰⁶.

¹⁰² x. đ. 1108 § 1.

¹⁰³ x. đ. 1109.

¹⁰⁴ x. đ. 134 § 2. Gồm : Giám mục giáo phận, giám mục phó, giám mục phụ tá với năng quyền đặc biệt (đ. 405 § 2 ; 406 § 1 ; 403 § 2), cha Tổng đại diện và các đại diện Giám mục (x. đ. 475-476).

¹⁰⁵ x. đ. 530,4°, hoặc giám quản giáo xứ (đ. 540 § 1) ; cha phó lúc cha quản xứ bị ngăn trở (đ. 540) ; linh mục được trao những năng quyền cần thiết lúc cha quản xứ vắng mặt (đ. 533 § 3).

¹⁰⁶ x. đ. 1111 § 1.

1.3. Ủy quyền chứng hôn cách hợp pháp :

- Ủy cho tư tế nào phó tế nào thì phải minh nhiên (*expresse*) và xác định rõ ràng vị nào, tên gì (*determinatis personis*), không được ủy mặc nhiên, suy đoán, tự hiểu (*im lặng*)¹⁰⁷.
- Nếu là ủy riêng, thì có giá trị đối với những đôi hôn phối nhất định¹⁰⁸.
- Nếu là ủy chung (*ủy tổng quát*), thì phải bằng văn bản, nếu không, sẽ vô hiệu.

1.4. Ngoài ra, cần lưu ý vị chứng hôn cử hành bất hợp pháp, nếu không có sự xác tín luân lý về tình trạng thông dong của những người kết hôn cũng như về phép của cha quản xứ, nếu chứng hôn do ủy quyền tổng quát¹⁰⁹.

¹⁰⁷ x. đ. 1111 § 2.

¹⁰⁸ Một linh mục hay phó tế được “thừa ủy riêng” để chứng hôn, thì **không được chuyển ủy nữa**, trừ khi vị ủy quyền minh nhiên ban phép (x. đ. 137 § 3).

¹⁰⁹ x. đ. 1114.

2. Thủ tục hôn nhân thông thường

2.1. Đăng ký

1. Trình diện cha xứ : Đôi bạn trình diện cha xứ, trước khi đăng ký kết hôn phần đời¹¹⁰.
2. Nơi cử hành hôn phối : Theo giáo luật điều 1115, đôi dự hôn được quyền xin cử hành hôn phối tại giáo xứ hoặc bên nam hoặc bên nữ, hoặc tại một nơi khác khi có lý do chính đáng, với phép của Đấng Bản quyền riêng hay của cha xứ riêng¹¹¹.

2.2. Giới thiệu

3. Cha nào làm giấy giới thiệu : Khi đôi dự hôn xin cử hành hôn phối tại giáo xứ bên nữ, cha xứ bên nam làm giấy giới thiệu bên nam cho

¹¹⁰ Để tránh những trường hợp đã đăng ký kết hôn dân sự, mà cha xứ lại không thể cử hành hôn phối phép đạo được vì có ngăn trở, thí dụ còn ngăn trở dây hôn phối trước. Ngoài ra, vì ích lợi mục vụ và theo văn hóa gia đình Việt Nam, khi đến gặp cha xứ, nên có sự hiện diện của cha mẹ đôi bên, hoặc ít là của cha hoặc mẹ. Trường hợp cha mẹ xa xôi, có thể cho số điện thoại để liên lạc nhờ đó có thể giúp lượng định sự trung thực của đôi bạn cách đầy đủ rõ ràng hơn.

¹¹¹ Trường hợp cử hành ở nơi khác, xin các cha xứ giúp đỡ họ, như viết giấy giới thiệu và cung cấp những giấy tờ cần thiết (rửa tội, thêm sức, v.v...). Trường hợp khác giáo phận, xin các cha vui lòng giúp đáp ứng theo yêu cầu của giáo phận đó, như có giáo phận yêu cầu cha xứ bên nào làm “Tờ khai trước khi kết hôn” bên ấy.

cha xứ bên nữ, và ngược lại. Không nhất thiết luôn luôn là cha xứ bên nam làm giấy giới thiệu¹¹².

4. Hồ sơ hôn phối : Cha xứ nơi cử hành hôn phối tiến hành và thu thập **hồ sơ cần thiết**, gồm :

- 1) Giấy giới thiệu kết hôn¹¹³ ;
- 2) Giấy Chứng nhận rửa tội không quá 6 tháng và chứng nhận thêm sức¹¹⁴ ;
- 3) Tờ khai trước khi kết hôn¹¹⁵ ;

¹¹² Khi gửi giấy giới thiệu, cha xứ gửi kèm chứng thư rửa tội có giá trị 6 tháng trước ngày cưới và chứng thư thêm sức, nếu đương sự rửa tội và thêm sức tại giáo xứ.

¹¹³ Cha xứ có bốn phận cấp giấy giới thiệu, không được từ chối vì lý do đương sự chưa học giáo lý hôn nhân, không đi lễ, v.v...

Trường hợp một người ngoại giáo thuộc phạm vi giáo xứ đến xin giấy giới thiệu kết hôn, cha xứ có bốn phận giúp đỡ họ (x. đ. 771 § 2 ; PHAOLÔ VI, Tông huấn *Loan báo Tin Mừng*, số 55-57).

Trường hợp một người ngoại giáo nơi khác đến xin kết hôn với một người thuộc giáo xứ, cha xứ có thể viết đôi lời giới thiệu để giúp người ngoại giáo này dễ dàng hơn trong việc tiếp xúc với cha xứ ở địa phương họ để được điều tra xác nhận tình trạng thông dong, v.v... (Xem mẫu chung).

¹¹⁴ **Giấy chứng nhận rửa tội** phải đầy đủ các chi tiết tên tuổi, ngày tháng năm sinh, năm rửa tội, thêm sức, tình trạng thông dong, chức thánh, khăn dòng, v.v... Nếu đương sự chưa thêm sức, cha xứ có thể xin phép Đức giám mục hoặc các linh mục đã được ban năng quyền để ban.

¹¹⁵ **Tờ khai trước khi kết hôn và Giấy rao hôn phối** phải làm ngay từ đầu để biết trước những ngăn trở, nếu có, và do cha xứ nơi

- 4) Giấy rao hôn phối ;
- 5) Giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân¹¹⁶ ;
- 6) Giấy Đăng Ký Kết Hôn dân sự¹¹⁷, và sau đó Giấy Chứng Nhận Kết Hôn ;
- 7) Giấy miễn chuẩn ngăn trở hay hôn phối khác đạo, nếu cần¹¹⁸.

2.3. Rao hôn phối

5. Cha nào làm giấy rao : Cha xứ nơi cử hành hôn phối làm giấy rao hôn phối và gửi cho các cha xứ liên hệ¹¹⁹.

cử hành hôn nhân thực hiện. Nơi nhận được giấy xin rao, thì phải rao theo luật, không được hoãn hay giam lại.

¹¹⁶ **Chứng chỉ giáo lý hôn nhân** và **Giấy đăng ký kết hôn dân sự** phải hoàn tất trước khi cử hành hôn phối.

¹¹⁷ Để biết chắc đôi bạn đã làm thủ tục về mặt đời theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam ; và nhất là vì trong giấy đăng ký kết hôn dân sự, thường có ghi chú đương sự kết hôn lần thứ nhất hay lần thứ hai thứ ba, v.v... cũng là một thông tin hết sức ích lợi cho việc tìm hiểu tình trạng hôn nhân của đôi bạn.

¹¹⁸ Cha xứ chỉ giới thiệu đôi hôn phối xin chuẩn khác đạo sau khi đã điều tra cẩn thận không thấy có ngăn trở nào khác. Hồ sơ ghi cẩn thận đầy đủ, và phải cho ý kiến của mình về đôi ấy.

¹¹⁹ Khi không thể liên hệ được với cha quản xứ riêng của đương sự, như trường hợp người ngoại giáo mà quá xa nhà thờ, thì để xác nhận tình trạng thông dong, có thể dựa vào **giấy của chính quyền** chứng thực **chưa đăng ký kết hôn lần nào**, **lời chứng của gia đình cha mẹ** đôi bên.

6. Thủ tục rao : Rao ba lần, trừ trường hợp có lý do chính đáng được miễn rao¹²⁰.
7. Kết quả rao : Các cha đã rao phải gửi lại Tờ rao hôn phối cho cha xứ nơi cử hành hôn phối, cùng lời ghi chú nếu có vấn đề quan trọng hay hoài nghi¹²¹.

2.4. Học giáo lý hôn nhân

8. Nơi học : Các đôi dự hôn có thể xin học giáo lý hôn nhân tại giáo xứ riêng của mình hay tại một giáo xứ thuận tiện cho mình. Các cha xứ nơi đôi dự hôn có cư sở hay bán cư sở có bổn phận lo liệu cho họ. Các cha xứ khác xin giúp đỡ họ.
9. Chứng chỉ đã học : Chứng chỉ giáo lý hôn nhân là bằng chứng các đương sự đã tham dự lớp giáo lý này.

2.5. Cử hành hôn nhân và những việc liên hệ

10. Không phân biệt đối xử : Trong việc cử hành hôn nhân, nên diễn tả tính cách long trọng của lễ cưới ra bên ngoài một cách thích đáng, kể cả trong việc trang trí thánh đường. Nhưng

¹²⁰ Cha xứ có quyền tha rao một lần, Cha quản hạt tha rao hai lần, và Bản quyền địa phương tha rao ba lần. x. *Bản năng quyền thập niên 1971-1980*, tr. 67.87

¹²¹ x. đ. 1069.

không nên có sự phân biệt giữa các cá nhân hay giai cấp xã hội¹²².

11. Nghi thức hôn nhân thông thường : Thông thường, phải cử hành bí tích hôn phối trong Thánh lễ¹²³.
12. Nghi thức hôn nhân hỗn hợp : Hôn nhân giữa một người công giáo và một người có rửa tội ngoài công giáo, phải sử dụng nghi thức cử hành hôn nhân ngoài Thánh lễ, trừ khi cần thiết và có phép của Đấng Bản quyền địa phương¹²⁴.
13. Nghi thức hôn nhân khác đạo : Hôn nhân của một người công giáo với một người dự tòng hay chưa rửa tội, thì dùng nghi thức hôn nhân khác đạo, và không làm trong Thánh lễ. Nếu bên công giáo và thân nhân bạn bè công giáo ngờ ý muốn rước lễ, thì cứ kết thúc nghi thức hôn phối, sau đó cho rước lễ theo nghi thức đơn giản trao Mình Thánh Chúa, miễn là trước đó trong ngày chưa rước lễ¹²⁵.

¹²² x. *Nghi thức cử hành hôn nhân*, Những điều cần biết trước, số 31.

¹²³ x. *Nghi thức cử hành hôn nhân*, Những điều cần biết trước, số 29. Số 34 nói đến “lễ hôn phối”.

¹²⁴ x. *Nghi thức cử hành hôn nhân*, Những điều cần biết trước, số 36.

¹²⁵ x. *Nghi thức cử hành hôn nhân*, số 36.152-178.

14. Các đôi bạn công giáo “lỡ làng” : các cha xứ cần lấy lòng bác ái mục tử lo liệu Thánh lễ cho họ cách nào đó¹²⁶.
15. Thói quen chung sống trước : Đối với một số các bạn trẻ, nhất là tại các làng dân tộc theo truyền thống xa xưa thường ăn ở vợ chồng trước, có con, rồi sau đó mới cử hành hôn phối, các cha xứ kiên trì, nhẹ nhàng dùng giáo huấn của Hội Thánh để dạy dỗ, và kết hợp với Hội đồng giáo xứ để giáo dục và có những sáng kiến mục vụ giúp họ dần dần chấp nhận và đi vào đường lối của Hội Thánh. Không nên đe phạt. Trái lại, nên giúp họ thức hóa.
16. Chưa đủ tuổi kết hôn mà muốn kết hôn : Giáo luật không ủng hộ, trái lại còn yêu cầu “các vị chủ chăn các linh hồn phải liệu sao để ngăn cản việc cử hành hôn nhân của những người trẻ chưa tới tuổi, mà phong tục địa phương chấp nhận cho kết hôn”¹²⁷.

¹²⁶ Trường hợp đã chung sống và đã có con cái : nếu đôi bạn mong muốn được hợp thức hóa, linh mục xem xét nếu vướng ngăn trở, thì xin miễn chuẩn ngăn trở và cử hành hôn phối cho họ.

¹²⁷ x. GL đ. 1072. Luật Hôn nhân và Gia đình mới nhất do Quốc Hội Việt Nam ban hành ngày 19.6.2014 (Số 52/2014/QH13) quy định về tuổi kết hôn ở điều 8,1.a : “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên*”. Việc kết hôn trước tuổi quy định được gọi là Tảo Hôn (điều 3.8.), được

17. Chưa đủ tuổi kết hôn mà lỡ có thai : Trường hợp các đôi bạn thiếu tuổi không đăng ký kết hôn dân sự được, nhưng gia đình đôi bên nài nỉ xin làm phép cưới chỉ vì đảng gái lỡ có thai và muốn giải quyết để không mất mặt với bà con hàng xóm hoặc để tổ chức đám cưới có khách đến dự theo tục lệ “có qua có lại”, thì giải pháp tốt nhất là đợi đến khi đủ tuổi, sau khi hai người đã cùng trách nhiệm lo cho cái thai và việc sinh con mà vẫn còn quyết định kết hôn, thì sẽ cử hành đầy đủ phép hôn phối cho họ.

Vấn đề quan trọng và nặng nề nhất là giải thích cho họ hiểu và chấp nhận một cách tích cực rằng việc không cử hành trong hoàn cảnh như thế không hề là một hình phạt, mà chỉ vì động lực và lý do thúc đẩy họ kết hôn không được xem là nghiêm chỉnh và xứng đáng với phẩm giá của hôn nhân cũng như của thiện ích gia đình sau này. Trong hoàn cảnh đó, chính đôi bạn được mời gọi bình tĩnh để chấp nhận, và nhất là hai gia đình được mời gọi cảm thông, yêu thương để đôi bạn được khích lệ chấp nhận hoàn cảnh, và sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm đối với bào thai. Đến lúc đủ tuổi theo luật đạo đời mà họ vẫn còn

xác định là kết hôn trái pháp luật (điều 3.6.), và bị cấm rõ ràng ở điều 5.2.b.

yêu thương và quyết định kết hôn, thì Giáo Hội sẽ cử hành đầy đủ phép cưới cho họ.

18. Giấy thông báo kết hôn : Sau khi cử hành hôn lễ, cha xứ nơi cử hành hôn phối phải gửi giấy thông báo kết hôn¹²⁸ cho cha xứ nơi đương sự rửa tội để được ghi vào sổ rửa tội¹²⁹, và nên gửi cho các cha xứ liên hệ như cha xứ bên nam hoặc bên nữ, hay cả hai cha xứ trong trường hợp đôi bạn cử hành hôn phối ở nơi khác¹³⁰.
19. Cấp sổ Gia đình công giáo : Cha xứ nơi cử hành hôn nhân cấp sổ Gia đình công giáo.
20. Kết hôn giả : Không thể chấp nhận việc giả vờ kết hôn dân sự với một người nào đó vì lý do để được bảo lãnh ra nước ngoài.

3. Hôn nhân hỗn hợp

21. Khái niệm : Hôn nhân hỗn hợp là hôn nhân giữa hai người đã được rửa tội, mà một bên thuộc Giáo Hội công giáo và bên kia thuộc

¹²⁸ Theo mẫu chung của giáo phận, có những chi tiết đầy đủ hơn về bí tích rửa tội, để dễ tìm sổ gốc.

¹²⁹ x. đ. 1122.

¹³⁰ Những nô hôn phối đã cử hành nơi khác và được cha xứ ở đó thông báo qua chứng thư hôn phối là để cha biết, và chỉ ghi chú vào Sổ Rửa Tội nếu đương sự rửa tội tại giáo xứ ; **chứ không để ghi vào Sổ Hôn Phối** của giáo xứ, cũng không cộng thêm vào Sổ Tắt Niên cuối năm.

một Giáo Hội hay một cộng đoàn Giáo Hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội công giáo¹³¹.

22. Cần xin phép : Hôn nhân hỗn hợp chỉ hợp pháp khi có phép minh nhiên của giáo quyền¹³².
23. Hồ sơ : Hồ sơ và điều kiện để xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp cũng tương tự như hồ sơ xin miễn chuẩn hôn nhân khác đạo¹³³.
24. Trường hợp đã có hôn phối trước : Không nhận hồ sơ hôn phối của người đã được rửa tội ngoài Giáo Hội công giáo mà đã có hôn phối tự nhiên trước, dù đã ly dị phần đời¹³⁴.

¹³¹ x. đ. 1124. Phân biệt với hôn nhân khác đạo, là hôn nhân giữa một người công giáo và một người không rửa tội (đ. 1086).

¹³² Phân biệt với hôn nhân khác đạo : chỉ thành sự khi có miễn chuẩn minh thị của giáo quyền (đ. 1086).

¹³³ Gồm : giấy giới thiệu kết hôn, giấy chứng nhận rửa tội của người thuộc cộng đoàn Giáo Hội khác, giấy rao hôn phối, giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân, giấy đăng ký kết hôn dân sự, tờ khai trước khi kết hôn, giấy xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp.

¹³⁴ Giáo Hội công giáo không cứu xét và tháo gỡ hôn phối của người thuộc các cộng đoàn Giáo Hội khác. Vì lý do đại kết, Giáo Hội công giáo tôn trọng luật lệ và thẩm quyền của những Giáo Hội hay những cộng đoàn Giáo Hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội công giáo (x. đ.11, khác với Bộ giáo luật 1917, đ. 12 áp dụng luật lệ của Giáo Hội công giáo trên cả tín hữu Chính Thống, Tin Lành).

25. Nghi thức : phải sử dụng nghi thức cử hành hôn nhân ngoài Thánh lễ, trừ khi cần thiết và có phép của Đấng Bản quyền địa phương¹³⁵.

4. Hôn nhân khác đạo

26. Hồ sơ : Các đôi hôn phối khác đạo cũng phải làm đầy đủ thủ tục hồ sơ như trường hợp hôn phối thông thường, đồng thời kèm thêm giấy miễn chuẩn hôn phối khác đạo¹³⁶.
27. Tiếp đón : Cha xứ cần dành thời giờ tiếp xúc với đôi hôn phối và nhất là cha mẹ bên ngoại giáo. Kinh nghiệm cho thấy thái độ tiếp đón thân tình, tinh thần đối thoại và sự kiên nhẫn giảng giải giúp giải tỏa được rất nhiều ngộ nhận và đôi khi còn đưa người phối ngẫu ngoại giáo đến chỗ tự nguyện đón nhận đức tin¹³⁷.
28. Điều kiện miễn chuẩn : Đặc biệt, cha xứ cần quan tâm giải thích để đôi bạn dự hôn hiểu rõ và chu toàn những điều kiện cần thiết để

¹³⁵ x. *Nghi thức cử hành hôn nhân*, Những điều cần biết trước, số 36.

¹³⁶ Giấy miễn chuẩn hôn phối khác đạo làm thành hai bản, một để cha quản xứ tiến hành hôn phối, một lưu tại Tòa giám mục.

¹³⁷ Cũng nên đề chính đôi bạn dự hôn đến gặp và xin miễn chuẩn hôn phối khác đạo, để có dịp được tiếp xúc và giảng giải thêm.

được miễn chuẩn hôn phối khác đạo như được quy định trong Giáo luật¹³⁸.

29. Thẩm quyền miễn chuẩn : Ngoài cha Tổng đại diện có thẩm quyền miễn chuẩn theo luật chung¹³⁹, Đức giám mục giáo phận hiện nay cũng ban năng quyền miễn chuẩn hôn phối khác đạo cho cha đại diện tư pháp và các cha quản hạt.
30. Trường hợp có thể không miễn chuẩn : Việc ban phép chuẩn là một đặc ân Đấng Bản quyền có thể ban, chứ không phải là nghĩa vụ buộc ngài phải ban. Do đó, nếu ngài xét thấy việc ban phép chuẩn không đủ lý do chính đáng hoặc không thuận lợi, mà trái lại còn có thể có nguy hại cho bên công giáo và con cái sau này, thì ngài có quyền từ chối không ban phép chuẩn. Và điều đó chỉ vì ích lợi thiêng liêng của chính con cái Giáo Hội.
31. Trường hợp không miễn chuẩn : Lưu ý không nhận đơn xin miễn chuẩn hôn nhân khác đạo,

¹³⁸ x. đ. 1125 : Bên Công giáo phải tuyên bố mình sẵn sàng tránh mọi nguy cơ mất đức tin và thành thật cam kết sẽ làm hết sức để tất cả con cái được rửa tội và được giáo dục trong Giáo Hội Công giáo ; bên không Công giáo phải được thông báo kịp thời để biết và ý thức về lời cam kết và nghĩa vụ của bên công giáo ; đồng thời cả hai bên phải được giáo huấn về những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân mà không bên nào được loại bỏ.

¹³⁹ x. đ. 1078 § 1.

nếu bên không rửa tội đã có một hôn nhân tự nhiên, dù đã ly dị phần đời¹⁴⁰.

Trong trường hợp này, đương sự (tức bên không rửa tội) có thể được hưởng đặc ân Phaolô, nếu trở lại đạo. Nhưng cần lưu ý làm *interpellatio* (chất vấn bên không rửa tội) ; nếu không, việc cử hành hôn nhân sẽ không thành sự¹⁴¹. Đức giám mục giáo phận Đà Lạt tiếp tục trao cho các cha xứ năng quyền thực hiện việc chất vấn này và ban đặc ân Phaolô như vẫn thường làm trước đây.

Trường hợp thấy rõ không thể chất vấn hoặc có chất vấn cũng vô ích, cha xứ trình lên đáng Bản quyền để được miễn chuẩn chính việc chất vấn ấy¹⁴².

32. Nghi thức : không làm trong Thánh lễ. Nếu bên công giáo và thân nhân bạn bè công giáo ngờ ý muốn rước lễ, thì cứ kết thúc nghi thức hôn phối, sau đó cho rước lễ theo nghi thức đơn giản trao Mình Thánh Chúa, miễn là trước đó trong ngày chưa rước lễ.
33. Thờ cúng tổ tiên, một vấn đề đặc biệt “nhạy cảm” trong hôn phối khác đạo : Người tân tòng trở về nhà cha mẹ mình, hay người phối

¹⁴⁰ x. đđ. 1085 ; 1086 §§ 1-2.

¹⁴¹ x. đ. 1144 § 1.

¹⁴² x. đ. 1144 § 2.

ngẫu sống trong gia đình bố mẹ vợ/chồng ngoại giáo, vốn trọng tục lệ thờ cúng ông bà tổ tiên,

- được thực hành những việc đốt hương, nhang, đèn, nến trên bàn thờ gia tiên,
- được vái lạy trước bàn thờ gia tiên hay giường thờ tổ tiên, vì là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính đối với ông bà tổ tiên,
- ngày “kỵ nhật” (tức ngày giỗ) được “cúng giỗ” trong gia đình theo phong tục địa phương,
- trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương,
- được tham dự nghi lễ tôn kính vị Thành Hoàng quen gọi là “phúc thần” tại đình làng, để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng¹⁴³.

¹⁴³ x. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, *Thông cáo về việc tôn kính Ông bà Tổ tiên và các bậc Anh hùng Liệt sĩ*, 20.10.1964 ; Hội nghị Nha Trang, 14.11.1974, trong VĂN PHÒNG TỔNG THƯ KÝ HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, *Giáo Hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Hà Nội 2004, “Giáo Hội Việt Nam với việc thờ kính tổ tiên”, tr. 487-490.

5. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều

5.1. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều công giáo

34. Những giấy tờ cần có :

- Giấy giới thiệu kết hôn, giấy chứng nhận rửa tội, thêm sức ; giấy chứng nhận tình trạng thông dong do cha xứ của các đương sự cấp ; và giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân.
- Công hàm hay giấy phép của chính phủ Việt kiều hay ngoại kiều cho phép đương sự kết hôn với người Việt Nam. Công hàm hay giấy phép này phải được Tòa đại sứ Việt Nam công chứng. Nên ghi rõ tên tuổi, địa chỉ của người Việt Nam.
- Giấy chứng nhận kết hôn của Chính quyền tỉnh cấp¹⁴⁴.

5.2. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều ngoại giáo

35. Xin phép và những giấy tờ cần thiết :

- Trong trường hợp hôn nhân với Việt kiều hay ngoại kiều ngoại giáo, nên hết sức thận trọng và cần xin phép Đấng Bản quyền địa phương.

¹⁴⁴ Khi có lý do chính đáng, ít nhất phải có giấy hẹn của Sở Tư Pháp. Trường hợp nghi ngờ khả năng bảo lãnh để có thể chung sống, thì phải có giấy nhập cảnh (visa).

- Ngoài những giấy tờ cần thiết như trường hợp Việt kiều ngoại kiều công giáo, cha xứ nơi cử hành hôn phối giúp làm giấy xin **miễn chuẩn hôn phối khác đạo**, và cử hành hôn phối.
- Một cách đặc biệt, cần lưu ý số 27 ở trên. Vì nhiều khó khăn trong việc hỏi ý kiến người phối ngẫu trước kia, Giáo phận Đà Lạt không nhận Hồ sơ xin đặc ân Phaolô đối với người Việt kiều hay ngoại kiều.

5.3. Diện đính hôn với Việt kiều, ngoại kiều¹⁴⁵

36. Được cử hành lễ hôn phối khi có :

- Hồ sơ dân sự về diện đính hôn : bên người Việt Nam đã có hộ chiếu (*passport*), và giấy nhập cảnh (*visa*).
- Hồ sơ tôn giáo : đã có giấy giới thiệu kết hôn, giấy chứng chỉ bí tích, giấy chứng nhận tình trạng thông dong và giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân.

5.4. Diện kết hôn của hai Việt kiều, ngoại kiều

37. Những giấy tờ cần thiết :

- Giấy giới thiệu của cha xứ các đương sự, giấy chứng chỉ bí tích, giấy chứng nhận

¹⁴⁵ Nghĩa là chưa kết hôn chính thức.

tình trạng thông dong, và giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân.

- Giấy phép kết hôn dân sự (*Marriage License*) hay giấy hôn thú dân sự (*Certificate of Marriage*) của chính phủ ngoại quốc cấp.

6. Mục vụ cho người tín hữu trong trường hợp khó khăn và bất hợp luật

6.1. Trường hợp ly thân

- Ly thân chỉ có thể được dùng như phương thuốc cuối cùng sau khi đã cố gắng mọi cách để tránh mà không mang lại kết quả gì¹⁴⁶.
- Trong mọi trường hợp, khi hết lý do ly thân thì phải lập lại cuộc sống chung vợ chồng¹⁴⁷.

¹⁴⁶ Hai lý do hợp pháp để ly thân : ngoại tình (đ. 1152) ; gây nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hay thể xác cho bên kia hoặc cho con cái, hay bằng cách nào khác làm cho đời sống chung trở nên nặng nề (đ. 1153).

Trong trường hợp bị nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hay thể xác, bên “nạn nhân” cũng có thể ly thân do quyền riêng của mình, nếu có nguy cơ do phải chờ đợi. Dù sao, trong cả hai trường hợp, ngoại tình hay nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hay thể xác, thì **trong vòng sáu tháng phải đưa vụ án ly thân ra trước nhà chức trách Giáo Hội**, và thẩm quyền này sẽ thẩm định xem có thể giải hòa đôi bên không, hay phải giải quyết bằng một sắc lệnh của Giám mục giáo phận hay bằng một bản án của thẩm phán, chiếu theo quy tắc của luật (x. đ. 1692).

¹⁴⁷ x. đ. 1153 § 2.

- Không ngăn cấm họ lãnh nhận các bí tích, đặc biệt bên bị phân ly, tức bên vô tội¹⁴⁸. Quả thế, theo cách thức riêng của mình, tình trạng họ sống vẫn còn công bố giá trị bất khả phân ly của hôn nhân¹⁴⁹.

6.2. Trường hợp ly dị không tái hôn¹⁵⁰

Cần phân biệt người đơn thuần chỉ là nạn nhân với người là nguyên nhân gây ra cuộc ly dị :

- Trường hợp là **nạn nhân** : “việc lãnh nhận các bí tích tự nó không bị ngăn trở gì, nếu việc ly dị dân sự (cả khi phải “đứng đơn”) là cách thức duy nhất khả dĩ để bảo đảm những quyền lợi chính đáng, như sự an toàn về tinh thần hay thể xác cho bản thân, việc chăm sóc con cái, quyền thừa kế”¹⁵¹, v.v...
- Trường hợp là **nguyên nhân** : phải cho linh mục biết “mình ý thức dù đã được Tòa đòi cho ly hôn, thì vẫn bị ràng buộc bởi dây hôn phối và hiện nay sống ly thân vì có lý do chính

¹⁴⁸ x. GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn *Familiaris Consortio*, 22/11/1981, số 83.

¹⁴⁹ x. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC Ý, *Cẩm nang mục vụ gia đình*, số 211.

¹⁵⁰ Nghĩa là hai người đã ra tòa ly dị phân đôi.

¹⁵¹ x. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC Ý, số 211 ; x. GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn *Familiaris Consortio*, 22/11/1981, số 83.

đáng, ví dụ vì không thể tái lập đời sống chung vợ chồng”¹⁵². Nếu họ ý thức như vậy và tỏ lòng sám hối, thì sau một năm, cha xứ có thể cho họ được xưng tội rước lễ hoặc từng lần hoặc thường xuyên, tùy theo sự cân nhắc khôn ngoan của ngài.

6.3. Trường hợp ly dị và tái hôn

6.3.1. Các tín hữu ly dị tái hôn vẫn thuộc về Chúa Kitô và Giáo Hội Người. Do đó, họ không thể bị loại ra khỏi tình yêu của Chúa Kitô, cũng như sự chăm sóc của Giáo Hội, biểu lộ qua cộng đoàn gần gũi nhất, tức giáo xứ.

6.3.2. Tuy nhiên, họ ***không thể được chấp nhận cho xưng tội và rước lễ*** do tình trạng của họ¹⁵³, một cách khách quan, vừa đi ngược với đòi hỏi hoán cải của bí tích hòa giải, vừa trái ngược với tính bất khả phân ly của dây hôn phối đã thành sự. Tuy nhiên, cảm hiệp thông Thánh Thể không đồng nghĩa

¹⁵² x. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC Ý, *Cẩm nang mục vụ gia đình*, số 212.

¹⁵³ x. đ. 915 ; HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG GIẢI THÍCH VĂN BẢN LUẬT PHÁP, Tuyên bố *Il Codice di Diritto Canonico*, 24/06/2000, trong *Communicationes* 32 (2000), 159-162.

với cảm tham dự Thánh lễ hay tham gia vào đời sống Giáo Hội¹⁵⁴.

6.3.3. Họ ***có thể xưng tội rước lễ bình thường lại, với một số điều kiện*** như sau¹⁵⁵ :

- Hoặc đã ly thân về thể lý, đã ở riêng ;
- Hoặc vì họ đã quyết tâm sống hoàn toàn tiết dục, nghĩa là chấm dứt những quan hệ xác thịt và cư xử với nhau như bạn hữu, trong sự kính trọng và giúp đỡ lẫn nhau.
- Thực tế : Hoàn cảnh đặc biệt của họ dường như không thể đảo ngược được nữa hoặc do đã cao niên, hoặc do bệnh tật, hoặc do còn con cái nhỏ tuổi cần cha mẹ giáo dục.
- Cụ thể : Khoảng 70 tuổi trở lên¹⁵⁶, người tín hữu có thể làm **đơn** bày tỏ sự sám hối chân thành, nghĩa là ý thức việc mình cắt đứt dây hôn phối và tái hôn là một tội trọng, đồng thời nói lên

¹⁵⁴ Về việc cho người ly dị tái hôn rước lễ một đôi lần trong năm, xin xem thông báo trực tiếp của Đức Giám mục giáo phận.

¹⁵⁵ x. GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn *Familiaris Consortio*, 22/11/1981, số 84 ; HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC Ý, *Cẩm nang mục vụ gia đình*, số 220.

¹⁵⁶ Trường hợp đặc biệt, xin ý kiến Đấng Bản quyền địa phương.

quyết tâm chấm dứt sự chung sống vợ chồng và biến tương quan vợ chồng thành tương quan bạn hữu, kính trọng và giúp đỡ lẫn nhau¹⁵⁷. Cụ thể, mỗi người ở phòng riêng. Cha xứ, là người thẩm tra thực tế, ấn ký chứng nhận đơn của đương sự.

6.4. Đối với người tổ chức đám cưới bất hợp pháp

- Một người công giáo mà không cử hành hôn nhân theo phép đạo, thì không những hôn nhân của họ bất thành, bất hợp pháp, mà bản thân họ còn không được rước lễ theo quy định của Giáo luật, đ. 915¹⁵⁸.
- Những người đã tích cực, chủ động tổ chức đám cưới không theo phép đạo như thế, thì vi phạm cách nặng giáo lý về bí tích hôn phối. Nhưng giáo luật không có quy định một hình phạt nào cho tội này. Do đó, theo luật chung,

¹⁵⁷ Quyết tâm tiết dục, tránh khỏi những hành vi dành riêng cho vợ chồng, là một đòi hỏi của sự sám hối nghiêm chỉnh, nhưng đáng khác chỉ cần có quyết tâm nghiêm chỉnh đã đủ, nghĩa là chắc chắn một cách luân lý rằng hôn nhân quyết tâm hết sức có thể để tránh xa những nguy cơ sa ngã.

¹⁵⁸ Giáo luật, đ. 915 : “Những người ngoan cố sống trong tội trọng tỏ tường không được rước lễ” ; x. GIOAN PHAOLÒ II, Tông Huấn về gia đình *Familiaris consortio*, 22/11/1981, số 84; SGLHTCG, 11/10/1992, số 1650 ; BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Thư Năm quốc tế gia đình, 14/9/1994, trong EV 14/1451-1464.

thì không là một “tội phạm hình sự”, mà thuộc “tội luân lý”. Tội luân lý thì được tha qua bí tích Giải tội với điều kiện ăn năn, dốc lòng chữa, xưng tội¹⁵⁹.

- Nhưng tội cố tình tổ chức “đám cưới bất hợp pháp” và mời khách dự tiệc, không chỉ là vấn đề của lương tâm cá nhân người đó với Chúa, mà cũng đặt vấn đề nghiêm trọng cho kỷ luật của Giáo Hội, vì gây một thiệt hại khách quan trầm trọng cho sự hiệp thông Giáo Hội, làm có vấp phạm cho các tín hữu đang sống phù hợp với những đòi hỏi của sự hiệp thông này, khiến lương tâm của họ có thể bị bất an hay đi đến hiểu sai việc thực thi đời sống đức tin.
- Do đó, Hội đồng Giáo hoàng giải thích các văn bản luật pháp đã ra một tuyên bố kêu gọi : “Các vị chủ chăn phải có hành động, vừa kiên nhẫn mà cũng vừa kiên quyết, để bảo vệ sự thánh thiện của bí tích (*hôn phối và Thánh Thể*), bảo vệ luân lý Kitô giáo và để huấn luyện lương tâm các Kitô hữu”¹⁶⁰.

¹⁵⁹ x. đ. 916.

¹⁶⁰ HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG GIẢI THÍCH CÁC VĂN BẢN LUẬT PHÁP, Tuyên bố *The Code*, 26/06/2000, số 1.

- Có giáo phận ra luật phạt những người tổ chức những “đám cưới bất hợp pháp” như thế. Giáo phận Đà Lạt không ra hình phạt¹⁶¹.
- Do đó, các cha xứ trong giáo phận không được tự ý ra “vạ”. Nhưng với tính cách chủ chăn của giáo xứ, các ngài có thể có “biện pháp” mục vụ nào đó¹⁶² để “nhắc nhở” và “răn đe”, nhưng phải theo tinh thần và tôn trọng những quy định của Giáo luật : đi từ nhắc nhở đến cảnh cáo, khiển trách, ra việc sám hối... Và khi hết ngoan cố, thì không được từ chối tha thứ¹⁶³. Và nhất là các ngài cần kiên nhẫn qua việc dạy giáo lý, gây ý thức và tin vào Ôn Chúa.
- Cụ thể, trước một đám cưới tổ chức bất hợp pháp, thái độ của các cha cần nhẹ nhàng giải thích về tính bất hợp pháp của sự việc, không khuyến khích việc tham dự. Tuy nhiên, các ngài có thể chấp nhận cho những người ruột thịt của đám cưới đi dự vì tình nghĩa ruột thịt. Các ngài cần giải thích cho giáo dân rõ việc

¹⁶¹ Tự bản chất, hình phạt tiền kết phải hết sức hạn chế và chỉ áp dụng cho những tội phạm rất nặng và nhắm có hiệu quả thực sự (x. đ. 1318) ; lại nữa, cần lưu ý sao trong cùng một nước, những luật hình sự phải được ban hành đồng nhất với nhau (x. đ. 1316), mà nhiều giáo phận tại Việt Nam hiện nay lại không ra hình phạt.

¹⁶² x. đđ. 1339-1340 ; 1077.

¹⁶³ x. đđ. 1341 ; 1358.

các ngài không đi dự vì không thể làm có vấp phạm cho cộng đoàn dân Chúa.

PHỤ LỤC

**Về thành sự hay không thành sự của phép rửa
Chính Thống giáo và các Hệ phái Tin Lành**¹⁶⁴

STT	HỆ PHÁI	THÀNH SỰ	HỒ NGHỊ	KHÔNG THÀNH SỰ
1	Các Giáo Hội Chính Thống	X		
2	African Methodist Episcopal (Giám lý Phi Châu)	X		
3	Amish	X		
4	Anh Giáo	X		
5	The Assembly of God (Cộng đoàn Thiên Chúa)	X		
6	Báp-tít ¹⁶⁵ (Ấn điển Nam Phương)	X		
7	The Christian and Missionary Alliance (Hội Truyền giáo Cơ đốc VN)	X		

¹⁶⁴ x. J. M. HUELS, *The pastoral companion, A canon law handbook for catholic ministry*, Franciscan Press 1995, tr. 331tt.

¹⁶⁵ Những hệ phái được in đậm là những hệ phái đang có ở Việt Nam : x. [http://vi.wikipedia.org/wiki/ Tin_Lanh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tin_Lanh) ; ĐỖ QUANG HÙNG, *Đạo Tin lành ở Việt Nam. Một cái nhìn tổng quát*, trên địa chỉ: http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/.../Khai_quat_ve_da_o_Tin_Lanh ; NGUYỄN CAO THANH, *Đạo Tin lành ở Việt Nam từ 1975 đến nay, tư liệu và một số đánh giá ban đầu*, trên trang mạng của Ban Tôn giáo Chính Phủ, Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

8	Church of Brethen (Hội Thánh anh em)	X		
9	Church of Christ (Hội Thánh Đấng Christ)	X		
10	Church of God (Hội Thánh của Thiên Chúa)	X		
11	Congregational	X		
12	Disciples of Christ (Môn đệ Đấng Christ)	X		
13	Episcopalian	X		
14	Evangelical Churches (Hội Thánh Tin Lành VN)	X		
15	Evangelical United Brethen	X		
16	Liberal Catholic Church (Công giáo tự do)	X		
17	Luther	X		
18	Methodist (Giám lý)	X		
19	Old Catholic	X		
20	Old Roman Catholic	X		
21	Polish National	X		
22	Presbyterian (Trưởng Lão)	X		
23	Reformed (Cải cách)	X		
24	United Church of Canada (Hội Thánh liên hiệp Canada)	X		
25	United Church of Christ (Hội Thánh liên hiệp	X		

	Cơ Đốc giáo)			
26	United Reformed (Cải cách hiệp nhất)	X		
27	Uniting Church of Australia	X		
28	Waldensian	X		
29	Zion	X		
30	Mennonite		X	
31	Moravian		X	
32	Ngũ Tuần (Pentecostal)		X	
33	Seventh Day Adventist (Cơ Đốc Phục Lâm ngày thứ bảy)		X	
34	Apostolic Church (Hội Thánh tông đồ)			X
35	Bohemians Free Thinkers			X
36	Christadelphians			X
37	Christian Community (Rudolf Steiner)			X
38	Christian Scientist (no baptism)			X
39	Church of Divine Science			X
40	Church of Jesus Christ Of the Latter Day Saints (Mormon)*			X
41	Church of the Universal Brotherhood (Doukhobors)			X

42	Chứng Nhân Jehovah			X
43	Masons (no baptism)			X
44	The New Church of St. Emmanuel Swedenborg (gọi là Giáo Hội Giêrusalem mới tại Mỹ)			X
45	People's Church of Chicago			X
46	Reunification Church ("Moonies")			X
47	Salvation Army (Đạo binh Ôn cứu rỗi)			X
48	Shakers (no baptism)			X
49	Society of Friends (Quakers ; no baptism)			X
50	Unitarians			X

Giáo phận Đà Lạt

Số rửa tội số :

Giáo hạt :

Giáo xứ :

PHIẾU RỬA TỘI

Điện thoại :

Email :

Họ và tên :

Tên thánh :

Sinh ngày : Tại :

Cha :

Tên thánh :

Mẹ :

Tên thánh :

Tình trạng hôn phối của cha mẹ :

☐ *Bí tích* ☐ *Phép chuẩn khác đạo* ☐ *Hoàn cảnh khác***Địa chỉ :**

Điện thoại :

Thuộc giáo xứ (*trường hợp ngoài xứ*) :**Người đỡ đầu :**

Tên thánh :

Họ và tên :

Địa chỉ :

Người lập phiếu

* Xin có mặt tại nhà thờ lúc :..... ngày :

Giáo phận Đà Lạt
 Giáo hạt :
 Giáo xứ :
 Điện thoại :
 Email :

CHỨNG THƯ RỬA TỘI

Linh mục :
 Quản xứ Giáo xứ :
 Chứng nhận :
 Sinh ngày tháng năm ; Tại :
 Con Ông :
 Và Bà :
 Địa chỉ :
 Đã chịu phép Rửa tội ngày tháng năm
 Tại :
 Do linh mục :
 Người đỡ đầu :
 Sổ Rửa tội số :
 Đã chịu phép Thêm sức ngày tháng năm
 Tại :
 Do Đức Giám Mục :
 Người đỡ đầu :
 Sổ Thêm sức số :

Nay cấp chứng thư này để xác nhận.

Làm tại, ngày tháng năm

Linh mục Quản xứ

(Ký tên và đóng dấu)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :

CHỨNG THƯ THÊM SỨC

Linh mục :

Quản xứ Giáo xứ :

Chứng nhận :

Sinh ngày tháng năm ; Tại :

Con Ông :

Và Bà :

Địa chỉ :

Đã chịu phép Thêm sức ngày tháng năm

Tại :

Do Đức Giám Mục :

Người đỡ đầu :

Số Thêm sức số :

Nay cấp chứng thư này để xác nhận.

Làm tại, ngày tháng năm

Linh mục Quản xứ
(Ký tên và đóng dấu)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :

GIẤY GIỚI THIỆU KẾT HÔN
(Người công giáo đi kết hôn nơi khác)

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :

Giáo phận :

Anh/Chị :

Sinh ngàythángnăm.....;

Tại :

Con Ông Bà :

Rửa tội ngày tháng năm.....

do linh mục :

tại Giáo xứ : Giáo phận :

Thêm sức tại Giáo xứ : Giáo Phận :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ : Giáo phận :

Muốn kết hôn với Anh/Chị :

Sinh ngàytháng năm.....

Con Ông Bà :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ của Cha.

Theo sự tìm hiểu ban đầu của con, anh/chị
vẫn còn thông dong để kết hôn.

Xin giới thiệu đến Cha, để Cha tiến hành thủ tục điều tra Hôn
Phối.

Xin chân thành cảm ơn Cha.

Làm tại, ngày..... tháng năm

Linh mục phụ trách
(ký tên và đóng dấu)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :

GIẤY GIỚI THIỆU KẾT HÔN
(Giới thiệu người ngoại giáo đi kết hôn nơi khác)

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :.....

Giáo phận :.....

Anh/Chị :

Sinh ngày.....tháng.....năm.....; Tại :

Con Ông Bà :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ : Giáo phận :

Muốn kết hôn với Anh/Chị :

Sinh ngàytháng..... năm.....

Con Ông Bà :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ của Cha.

Anh/chị là người ngoại giáo, sinh sống trong địa bàn giáo xứ. Theo sự tìm hiểu ban đầu của con, anh/chị vẫn còn thông dong để kết hôn.

Xin giới thiệu đến Cha, để Cha tiến hành thủ tục điều tra Hôn Phối.

Xin chân thành cảm ơn Cha.

Làm tại....., ngày thángnăm.....

Linh mục phụ trách
(Ký tên và đóng dấu)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :.....

GIẤY GIỚI THIỆU KẾT HÔN
(giới thiệu người ngoại giáo thuộc giáo xứ khác cho cha xứ của họ)

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :.....

Giáo phận :.....

Anh/Chị :

Sinh ngày.....tháng.....năm.....; Tại :.....

Con Ông Bà :

Địa chỉ :

Thuộc địa bàn Giáo xứ của Cha.

Muốn kết hôn với Anh/Chị :

Sinh ngàytháng..... năm.....

Con Ông Bà :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ do con phụ trách.

Anh/chị

đã cùng với bạn mình đến trình diện và xin cử hành hôn phối tại giáo xứ do con phụ trách. Kính xin cha thương giúp đỡ anh/chị

được có những giấy tờ cần thiết cho hồ sơ hôn phối, như **giấy giới thiệu** ; và nếu cha không phiền lòng, để anh/chị không mất thiện cảm với đạo vì tính cách “bàn giấy”, con xin gửi kèm đây **giấy rao hôn phối** để cha giúp cho rao, và cho con kết quả khi rao xong.

Xin chân thành cảm ơn Cha, và kính chúc Cha dồi dàoƠn Chúa.

Làm tại....., ngày thángnăm.....

Linh mục phụ trách
(Ký tên và đóng dấu)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :

GIẤY XIN ĐIỀU TRA VÀ RAO HÔN PHỐI

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :

Giáo phận :

Anh :

Sinh ngày tháng năm ; Tại :

Con Ông Bà :

Rửa tội ngày :tháng.....năm

tại Giáo xứ : Giáo phận :

Thêm sức ngày : Tại :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ : Giáo phận :

Trước đã ở Giáo xứ : Giáo phận :

Xin kết hôn với Chị :

Sinh ngàytháng năm

Con Ông Bà :

Rửa tội ngày :tháng.....năm

tại Giáo xứ : Giáo phận :

Thêm sức ngày : Tại :

Địa chỉ :

Thuộc Giáo xứ : Giáo phận :

Trước đã ở Giáo xứ : Giáo phận :

Xin Cha vui lòng điều tra và rao theo luật Giáo Hội, sau đó xin gửi lại cho chúng con kết quả. Xin chân thành cảm ơn Cha.

Làm tại....., ngày..... tháng năm

Linh mục phụ trách
(Ký tên và đóng dấu)

Giáo phận :

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Điện thoại :

Email :

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VÀ RAO HÔN PHỐI

Linh mục :

Phụ trách Giáo xứ :

Giáo phận :

Chứng thực đã điều tra và rao lần vào các ngày :

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Cho Anh / Chị

☐ Hết hạn không thấy ai thừa ngăn trở gì.

☐ Có ngăn trở như sau :

.....
.....
.....
.....

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Linh mục phụ trách
(*ký tên và đóng dấu*)

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số : ...

TỜ KHAI TRƯỚC KHI KẾT HÔN
(Đôi bạn công giáo)

HÔN PHỐI GIỮA :

Nam :

Nữ :

Cử hành ngày tháng năm

PHẦN LỜI KHAI :

Con tên (tên thánh, họ và tên) :

thề trả lời đúng sự thật và đầy đủ hết sự thật về những điều sau đây :

1. Con sinh ngày tháng năm ;

Tại :

Rửa tội ngày tháng năm ;

Số rửa tội số : ; Tại Nhà thờ :

Do Cha :

Người đỡ đầu :

Thêm Sức ngày tháng năm ;

Số thêm sức số : ; Tại Nhà thờ :

Do Đức Cha :

Người đỡ đầu :

Thường trú tại :

Thuộc giáo xứ :

Tạm trú tại :

từ ngày tháng năm

Hiện ở :
 từ ngàytháng năm

Con Ông (tên thánh, họ, gọi)
 Và Bà (tên thánh, họ, gọi)
 Hiện ở :
 từ ngàytháng năm
 Thuộc giáo xứ :

2. Con đã kết hôn lần nào chưa ?

Nếu có, hiện giờ thế nào ?

3. Con định kết hôn với : (tên thánh, họ, gọi)

.....
 Sinh ngày tháng..... năm;
 Tại :
 Rửa tội ngày tháng..... năm.....;
 Sổ rửa tội số :; Tại Nhà thờ :
 Thêm Sức ngày tháng..... năm;
 Sổ thêm sức số :; Tại Nhà thờ :
 Con Ông : (tên thánh, họ, gọi)
 Và Bà : (tên thánh, họ, gọi)
 Địa chỉ :
 Thuộc giáo xứ :

4. Con có mắc ngăn trở nào về họ Máu, họ Kết bạn với bạn con không ?

Con có mắc ngăn trở nào về Chức thánh, về Khấn Dòng trọn đời, về tội ác, hay về công hạnh không ?

5. Trong việc kết hôn này, con có đặt cho bạn con điều kiện gì hệ trọng, về quá khứ hay hiện tại, đến nỗi nếu điều kiện đó không có, thì sẽ ngăn trở làm cho phép hôn phối

không thành không ?
.....

6. Cha mẹ con có bằng lòng trong việc kết hôn này của con không ?

7. Con có mắc ngăn trở nào về kết hôn theo luật hiện hành của Nhà Nước không ?

Con đã đăng ký kết hôn và lập hôn thú hợp lệ theo luật Nhà Nước chưa ?.....

8. Trước khi tiến đến hôn nhân, con đã quen bạn con bao lâu ?

Con có cầu nguyện, tìm hiểu, suy nghĩ, bàn luận với bạn con về việc kết hôn này không ?.....

9. Trong việc kết hôn này, con có thật lòng không ?.....

Con có được tự do không ?

Con có bị gia đình hay thế lực nào khác đe dọa hoặc ép buộc phải tiến tới việc kết hôn này không ?

10. Theo con biết, trong việc kết hôn này, bạn con có thật lòng không ?

và có được tự do không ?

11. Hãy ghi lại hai đặc tính hôn nhân công giáo :

.....

.....

12. Con có hiểu biết và chấp nhận rằng trong đời sống hôn nhân, vợ chồng phải thực tâm sẵn sàng yêu thương, giúp đỡ nhau, chung thủy và trung thành với nhau suốt đời, khi thịnh vượng cũng như lúc gian khổ, khi khoẻ mạnh cũng như lúc bệnh hoạn không ?

13. Con có thực tâm sẵn sàng lãnh nhận bốn phận sinh sản, dưỡng dục, dạy dỗ con cái trong đức tin theo lề luật của Thiên Chúa và Giáo Hội không ?

14. Con có muốn khai thêm điều gì về hôn phối này không ?

.....

Làm tại..... , ngày..... tháng năm

Linh mục Quản xứ
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai ký tên

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số : ...

TỜ KHAI TRƯỚC KHI KẾT HÔN
(Công giáo lấy ngoại giáo)

HÔN PHỐI GIỮA :

Nam :

Nữ :

Cử hành ngày tháng năm

PHẦN LỜI KHAI :

Con tên (tên thánh, họ và tên) :

thề trả lời đúng sự thật và đầy đủ hết sự thật về những điều sau đây :

1. Con sinh ngày tháng năm

Tại :

Rửa tội ngày tháng năm

Số rửa tội số :; Tại Nhà thờ :

Do Cha :

Người đỡ đầu :

Thêm Sức ngày tháng năm

Số thêm sức số :; Tại Nhà thờ :

Do Đức Cha :

Người đỡ đầu :

Thường trú tại :

Thuộc giáo xứ :

Tạm trú tại :

từ ngày tháng năm

Hiện ở :
 từ ngàytháng năm

Con Ông (tên thánh, họ, gọi)

Và Bà (tên thánh, họ, gọi)

Hiện ở :

từ ngàytháng năm

Thuộc giáo xứ :

2. Con đã kết hôn lần nào chưa ?

Nếu có, hiện giờ thế nào ?

3. Con định kết hôn với :

Sinh ngày tháng năm

Tại :

Con Ông :

Và Bà :

Địa chỉ :

Thuộc giáo xứ :

4. Con có mắc ngăn trở nào về họ Máu, họ Kết bạn với bạn con không ?

Con có mắc ngăn trở nào về Chức thánh, về Khấn Dòng trọn đời, về tội ác, hay về công hạnh không?

.....

5. Trong việc kết hôn này, con có đặt cho bạn con điều kiện gì hệ trọng, về quá khứ hay hiện tại, đến nỗi nếu điều kiện đó không có, thì sẽ ngăn trở làm cho phép hôn phối không thành không ?

.....

6. Cha mẹ con có bằng lòng trong việc kết hôn này của con không ?

7. Con có mắc ngăn trở nào về kết hôn theo luật hiện hành của Nhà Nước không ?

Chúng con đã đăng ký kết hôn và lập hôn thú hợp lệ theo luật Nhà Nước chưa ?

8. Trước khi tiến đến hôn nhân, con đã quen bạn con bao lâu ?

Con có cầu nguyện, tìm hiểu, suy nghĩ, bàn luận với bạn con về việc kết hôn này không ?

9. Trong việc kết hôn này, con có thật lòng không?

Con có được tự do không ?

Con có bị gia đình hay thế lực nào khác đe dọa hoặc ép buộc phải tiến tới việc kết hôn này không ?

10. Theo con biết, trong việc kết hôn này, bạn con có thật lòng không ?

và có được tự do không ?

11. Hãy ghi lại hai đặc tính hôn nhân công giáo :

.....

.....

12. Con có hiểu biết và chấp nhận rằng trong đời sống hôn nhân, vợ chồng phải thực tâm sẵn sàng yêu thương, giúp đỡ nhau, chung thủy và trung thành với nhau suốt đời, khi thịnh vượng cũng như lúc gian khổ, khi khoẻ mạnh cũng như lúc bệnh hoạn không ?

13. Con có thực tâm sẵn sàng lãnh nhận bốn phận sinh sản, dưỡng dục, dạy dỗ con cái trong đức tin theo lẽ luật của Thiên Chúa và Giáo Hội không ?

14. Con có muốn khai thêm điều gì về hôn phối này không ?

.....
.....
.....

Làm tại , ngày..... tháng năm

Linh mục Quản xứ
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai ký tên

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số : ...

TỜ KHAI TRƯỚC KHI KẾT HÔN
(Bên ngoại giáo)

HÔN PHỐI GIỮA :

Nam :

Nữ :

Cử hành ngày tháng năm

PHẦN LỜI KHAI :

Con tên (tên thánh, họ và tên) :

thề trả lời đúng sự thật và đầy đủ hết sự thật về những điều sau đây :

1. Con sinh ngày tháng năm;

Tại :

Thường trú tại :

Thuộc giáo xứ :

Tạm trú tại :

từ ngày tháng năm

Hiện ở :

từ ngày tháng năm

Con Ông

Và Bà

Hiện ở :

từ ngày tháng năm

Thuộc giáo xứ :

2. Con đã kết hôn lần nào chưa ?
 Nếu có, hiện giờ thế nào ?
3. Con định kết hôn với (tên thánh, họ, gọi)
 Sinh ngày tháng..... năm;
 Rửa tội ngày tháng..... năm.....;
 Số rửa tội số :; Tại Nhà thờ :.....
 Thêm Sức ngày tháng..... năm;
 Số thêm sức số : ; Tại Nhà thờ :
 Con Ông : (tên thánh, họ, gọi)
 Và Bà : (tên thánh, họ, gọi)
 Địa chỉ :
 Thuộc giáo xứ :.....
4. Con có mắc ngăn trở nào về họ Máu, họ Kết bạn với bạn con không ?
 Con có mắc ngăn trở nào về Chức thánh, về Khấn Dòng trọn đời, về tội ác, hay về công hạnh không?

5. Trong việc kết hôn này, con có đặt cho bạn con điều kiện gì hệ trọng, về quá khứ hay hiện tại, đến nỗi nếu điều kiện đó không có, thì sẽ ngăn trở làm cho phép hôn phối không thành không?

6. Cha mẹ con có bằng lòng trong việc kết hôn này của con không ?
7. Con có mắc ngăn trở nào về kết hôn theo luật hiện hành của Nhà Nước không ?
 Chúng con đã đăng ký kết hôn và lập hôn thú hợp lệ theo luật Nhà Nước chưa ?

8. Trước khi tiến đến hôn nhân, con đã quen bạn con bao lâu ?

Con có cầu nguyện, tìm hiểu, suy nghĩ, bàn luận với bạn con về việc kết hôn này không ?

9. Trong việc kết hôn này, con có thật lòng không?

Con có được tự do không ?

Con có bị gia đình hay thế lực nào khác đe dọa hoặc ép buộc phải tiến tới việc kết hôn này không ?

10. Theo con biết, trong việc kết hôn này, bạn con có thật lòng không ?

và có được tự do không ?

11. Hãy ghi lại hai đặc tính hôn nhân công giáo :

.....

.....

12. Con có hiểu biết và chấp nhận rằng trong đời sống hôn nhân, vợ chồng phải thực tâm sẵn sàng yêu thương, giúp đỡ nhau, chung thủy và trung thành với nhau suốt đời, khi thịnh vượng cũng như lúc gian khổ, khi khoẻ mạnh cũng như lúc bệnh hoạn không ?

13. Con có thực tâm sẵn sàng lãnh nhận bốn phận sinh sản, dưỡng dục, dạy dỗ con cái trong đức tin theo lề luật của Thiên Chúa và Giáo Hội không ?

.....

14. Con có muốn khai thêm điều gì về hôn phối này không ?

.....

.....

.....

Làm tại..... , ngày..... tháng năm

Linh mục Quản xứ
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai ký tên

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số :

**ĐƠN XIN CHUẨN
HÔN NHÂN KHÁC ĐẠO**

Kính gửi Đức Giám Mục Giáo Phận,

Con tên là (tên thánh, họ và tên)

Sinh ngày tháng năm tại

Rửa tội ngày tháng năm tại

Thêm Sức ngày tháng ... năm tại

Con Ông (tên thánh, họ và tên)

Và Bà (tên thánh, họ và tên)

Hiện ở

Con dự định kết hôn với Anh/Chị

Sinh ngày tháng năm tại

Tôn giáo

Con Ông

Và Bà

Hiện ở

Bạn con hiện có gia đình.

Bạn con chưa muốn vào đạo vì

.....,
nên con làm đơn này xin Đức Cha ban Phép Chuẩn Hôn
Nhân Khác Đạo cho chúng con.

Phần con, con cam kết :

- sẵn sàng tránh xa mọi nguy cơ làm tổn hại đức tin,
- sẽ hết sức cố gắng để con cái được rửa tội và được giáo dục trong đức tin công giáo.

Bạn con đã được thông báo và ý thức thực sự về những điều con cam kết trên.

Cả hai chúng con đều hiểu biết về bản chất, những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân Kitô giáo, và không loại trừ điều gì.

Kính xin Đức Cha ban phép chuẩn và chúc lành cho hôn nhân của chúng con.

..... Ngày tháng năm

Kính đơn,

Bên không Công giáo
ký tên,

Bên Công giáo
ký tên,

Ý kiến
Cha Quản xứ :

.....
.....

Quyết định của Giáo Quyền

.....
.....

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số :

**GIẤY THÔNG BÁO
ĐÃ CỬ HÀNH HÔN PHỐI
(Nơi rửa tội)**

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :

Giáo phận :

Kính thưa Cha, chúng con xin báo tin để Cha ghi vào sổ Rửa tội¹⁶⁶ :

Nam :

Con Ông Bà :

Hiện ở :

Thuộc giáo xứ :

Rửa tội ngày :

Tại Giáo xứ :

Số Rửa tội số :

Nữ :

Con Ông Bà :

Hiện ở :

Thuộc giáo xứ :

Rửa tội ngày :

Tại Giáo xứ :

Số Rửa tội số :

Đã kết hôn tại Nhà thờ

¹⁶⁶ X. Giáo luật, đ. 1122.

ngày..... tháng..... năm.....

☐ *Bí tích*

☐ *Phép chuẩn khác đạo*

Linh mục chứng hôn :

Người chứng 1 :

Người chứng 2 :

Trích sổ Hôn Phối Giáo xứ số

....., Ngày tháng năm.....

Linh mục Quản xứ

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số :

**GIẤY THÔNG BÁO
ĐÃ CỬ HÀNH HÔN PHỐI
(Nơi liên hệ)**

Kính gửi Cha Quản xứ Giáo xứ :

Giáo phận :

Kính thưa Cha, trong tinh thần liên đới mục vụ, chúng con
xin báo tin để Cha được biết :

Nam :

Con Ông Bà :

Hiện ở :

Thuộc giáo xứ :

Rửa tội ngày :

Tại Giáo xứ :

Số Rửa tội số :

Nữ :

Con Ông Bà :

Hiện ở :

Thuộc giáo xứ :

Rửa tội ngày :

Tại Giáo xứ :

Số Rửa tội số :

Đã kết hôn tại Nhà thờ.....

ngày..... *tháng*..... *năm*.....

☐ *Bí tích*

☐ *Phép chuẩn khác đạo*

Linh mục chứng hôn :

Người chứng 1 :

Người chứng 2 :

Trích sổ Hôn Phôi Giáo xứ số

....., *Ngày* *tháng* *năm*.....

Linh mục Quản xứ

Giáo phận Đà Lạt

Giáo hạt :

Giáo xứ :

Năm :

Số Hôn phối số : ...

CHỨNG THƯ HÔN PHỐI

Tại nhà thờ

Ngày tháng năm

Linh mục :

Đã chứng hôn cho :

NAM :

Sinh ngày :;

Tại :

Rửa tội :;

Tại :

Con Ông :

Và Bà :

Hiện ở tại

Giáo xứ :;

Giáo phận :

NỮ :

Sinh ngày :;

Tại :

Rửa tội :;

Tại :

Con Ông :

Và Bà :

Hiện ở tại.....

Giáo xứ :;

Giáo phận :

Trước hai nhân chứng :

1 :

2 :

Làm tại, Ngày tháng năm.....

Linh mục phụ trách
(ký tên và đóng dấu)

Trích sổ Hôn phối số :

Giáo xứ :

MỤC LỤC

NGHỊ ĐỊNH.....	3
LỜI DẪN	4
I. BÍ TÍCH RỬA TỘI VÀ THÊM SỨC.....	7
II. BÍ TÍCH THÁNH THỂ	15
III. BÍ TÍCH GIẢI TỘI	30
IV. BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN	33
V. BÍ TÍCH HÔN NHÂN	39
PHỤ LỤC.....	64
1. Về thành sự hay không thành sự của phép rửa Chính Thống giáo và các Hệ phái Tin Lành.....	65
2. Phiếu rửa tội.....	69
3. Chứng thư rửa tội.....	70
4. Chứng thư thêm sức.....	71
5. Giấy giới thiệu kết hôn a. Người công giáo đi kết hôn nơi khác.....	72
b. Người ngoại giáo đi kết hôn nơi khác	74
c. Giới thiệu người ngoại giáo thuộc giáo xứ khác cho cha xứ của họ	76
6. Giấy xin điều tra và rao hôn phối	78
7. Kết quả điều tra và rao hôn phối.....	79

8. Tờ khai trước khi kết hôn	
a. Đôi bạn công giáo.....	81
b. Công giáo lấy ngoại giáo.....	85
c. Bên ngoại giáo.....	89
9. Đơn xin chuẩn hôn nhân khác đạo.....	93
10. Giấy thông báo đã cử hành hôn phối	
a. Nơi rửa tội.....	95
b. Nơi liên hệ.....	97
11. Chứng thư hôn phối.....	99
MỤC LỤC.....	101